

LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 5

Loại Phú và Minh:

1. Bài phú: Thần Thê An dưỡng của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.
2. Tấn An dưỡng Phú, phụng chế văn của Ngô Việt Tiền Vương Thục.
3. Bài Minh: Nhật Quán (Quán mặt Trời) của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
Loại kệ (6 bài).
 1. Kệ vẽ tượng Phật A-di-đà của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.
 2. Kệ khen ngợi của ngài Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm khen Phật của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
 3. Kệ vãng sinh y kinh mà lập của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
 4. Kệ phát nguyện viết kinh Di-Đà Ấn Thí của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
 5. Kệ Diêu Hạnh Bà quán mặt trời thấy Phật.
 6. Kệ Tán Dụ Di Tôn của Triều Nghị Đại Phu Đình Tánh.

Loại Tụng (20 bài):

1. Thập Lục Quán Tụng, hai mươi ba bài, của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.
2. Thập Lục Quán Tụng, mười sáu bài, của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiênm.
3. Thập Lục Quán Tụng, hai mươi bốn bài, của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.
4. Tụng khuyến hóa đường tắt tu hành của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở Kinh đô.
5. Tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Giác Tông Trách.
6. Tụng Tây phương Tịnh độ, mười ba bài, của Thiền sư Từ Giác Tông Trách.
7. Tụng Quán Phật Tam-muội của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiênm.
8. Tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm.

9. Tụng chỉ bày Hạnh Bà, hai bài, của Từ Biện Pháp sư Tùng Giám.
 10. Tụng khuyên tu Tịnh Nghiệp, hai bài, của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.
 11. Tụng Hóa Đạo Niệm Phật, ba bài, của Luật sư Thanh Chiếu Tuệ Hạnh.
 12. Tụng Niệm Phật Tâm Yếu của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.
 13. Tụng khắc tượng thờm Di-đà của Pháp sư Giải Không Khả Quán.
 14. Tụng Tịnh độ và Từ biệt đời của Pháp sư Pháp Cảnh Nhược Ngu.
 15. Tụng khen ngợi Tây phương của Cư sĩ Huyền Trụ Nhâm Bư.
 16. Tụng khuyên tu Tịnh độ của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.
 17. Tụng Bạch Liên Tịnh Xã của quan Hữu Nhai Giám Nghĩa Tùng Chánh.
 18. Tụng Tịnh Nghiệp Phật Ma của Pháp sư Thọ An Lương Bất.
 19. Tụng khuyên tu Tịnh Nghiệp của Xương Quốc Tế Vương Tôn Chi.
 20. Tụng khuyên đời niệm Phật (mất tên người soạn).
- Loại Thơ (22 bài):**
1. Vịnh Tịnh độ của Tấn Khang Lạc Tạ Linh Vận.
 2. Thơ Niệm Phật Tam-muội bốn bài của Tấn Lang Da Vương Kiều Chi.
 3. Thơ Niệm Phật Tam-muội bốn bài của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
 4. Thư giả biệt Lý Bí ở chùa Thỉ hưng của Cư sĩ Thảo Đường Đỗ Tử Mỹ.
 5. Ngồi bên bờ nước chùa Đông lâm của Cư sĩ Hương Sơn Bạch Cư Dị.
 6. Đại Sư Điều Thiên Trúc Bảo Nguyệt của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.
 7. Trừ Dạ và ba, bốn câu của Cư sĩ Hậu Sơn Trần Vô Dĩ.
 8. Tiền Đường Thắng Sự Ký mã Thị Lang của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
 9. Thụy Trúc Ngô Lão trồng sen của Thứ Công Dương Kiệt.
 10. Lô sơn Bạch Liên xã của Ngự Khê Thích Hoài Ngô.
 11. Tặng Di-đà Đạo giả của Trực Tác Hoàng Cáo.

12. Thơ Cận Thể về mười sáu pháp quán (mười sáu bài) của Sa-môn Xung Mặc.
 13. Lô sơn Liên xã (hai bài) của Giám Bạc Du Lương Năng.
 14. Thứ Vận Liên xã của Thích Hạt Thuần Tẩu.
 15. Mười tám vị hiền ở Lô sơn của Đông Khê Thích Tổ Khả.
 16. Thơ nhớ quê cũ An dưỡng (bốn bài) của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.
 17. Thơ nhớ Tây phương, hai bài ngũ ngôn, của vị Tăng giảng kinh tên Khả Mân ở Bắc sơn.
 18. Góc Giác Hải Di-đà ở Hồ châu của Từ Bộ Trương Cảnh Tu.
 19. Thơ Tây Quy Hiền (mười bài) của Thiền sư La Nguyệt Đàm Oánh.
 20. Thơ bên hiên Nhớ Phật (mười bài) của Thủ tọa Tuyết Khê Hy Nhan.
 21. Đọc Vãng Sinh Truyện có xúc cảm của Pháp sư Vân Am Liễu Hồng.
 22. Tịnh độ Vịnh Sử (hai mươi lăm bài) của Cư sĩ Tây Hồ Lý Tế.
Loại từ (7 bài)
 1. Họa Uyên minh Quy khứ lai hề của quan Cấp sự phùng tập.
 2. Nghĩ Uyên minh Quy khứ lai hề của Huyền Trụ Nhâm Bưu.
 3. Truy Họa Uyên Minh Quy khứ lai của Luật sư Thuyết Am Giới Độ.
 4. Tán Tây phương Ngự Gia Ngạo (hai mươi bài) của vị Tăng giảng kinh tên Khả Mân ở Bắc sơn.
 5. Tám Tây phương Ngự Gia Ngạo của Thiền sư Tây Dư Pháp Doan.
 6. Ta-bà khổ vọng Giang Nam (sáu bài) của Pháp sư Bạch Vân Tịnh Viên.
 7. Tây Quy Hảo Vọng Giang Nam (sáu bài) của Pháp sư Bạch Vân Tịnh Viên.
-

1. Bài Phú: Thần nương An dưỡng của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.

Di-đà cõi báu, An dưỡng tên hay. Ở báo độ mà rất vui, ở mười phương mà rất tịnh. mười sáu pháp quán tu định ý mà ngấm đến, bốn mươi đại nguyện, vận tán tâm mà hóa sinh. Đây bèn trọn đời thọ trì, suốt kiếp quy mạng tiên nhân. Cõi mây mà nghe pháp, cõi không tán tụng mà khen ngợi, thân bước lên đài vàng tím nên bốn nguyện không đổi. Thần hóa trong sợi lông ngọc trắng mà nhất tâm tự mừng. Lành thay tướng lưỡi rộng dài mười cõi đồng khen nói. Chỉ nêu tâm khế hợp cả, không phải ý đối truyền lường. Cái trục trên mặt đất quay, hoa trời tung rải ở trước, một niêm hoa nở, thấy Phật mà đều lên quả mầu. Ngàn trùng chiếu sáng, chứng pháp mà hết cấu bần. Các bậc tiên hiền khảo xưa suy nay vãng sinh chẳng phải một. Vận đến mà thiên nhạc đầy trời, thời đến mà hương lạ đầy thất. Trong một chân cảnh hiện tướng mà nhờ uy Phật, trong ao bảy báu thấy cảnh đều từ tâm sinh ra. Cho nên biết Thánh chỉ khó lường, cảm ứng vẫn thường biến phàm thành Thánh. Mà khoảnh khắc tức mê là ngộ mà chiếu bày. Xuất phát từ sách tiên mà thật là thuật sống lâu chỉ quy về cõi Tịnh, ở mãi quê hương bất tử, lại có bậc cao nhân ra đời, đại sĩ ở giữa trần thế, đốt thân và tay để phát hạnh, treo ruột mổ tim mà lập phép. Nhạc tiên đến rước mà từ chối, thiên đồng đến thỉnh mà chẳng vui. Hoặc lửa bày đỉnh núi, trong cảnh sáng suốt mất hẳn tên đường ác. Bỏ luôn sự dơ bầu của thai ngục, mắt mở lưỡi chắc mà lập nghiệp. Trâu húc gà mổ mà bỗng ngưng ở thành sắt, chống lại lệnh vua. Phải chết theo lòng son ngời đài sen mà nhờ ân Phật, khó bỏ chỗ chí lý. Hoặc kẻ chê bai Tam bảo, phá hoại luật nghi. Trong lúc gió cắt xẻ thân bén như dao, gương nghiệp soi sáng thi thể mà gặp Thiện tri thức hiện ra thật chẳng thể suy nghĩ bàn luận, rừng dao biến thành bảy lớp cây báu, xe lửa hóa ra ao sen nước tám đức. Địa ngục biến mất mà tâm sợ hãi tiêu tan, hoa trời bay pháp phối. Bỗng nhiên Hóa Phật đến đón mời. Tuệ nhãn sáng lòng, lò hương tay cầm. Ứng lời sấm mà hoa sen chẳng héo. Được thọ ký mà rừng báu chẳng lâu. Lại thay năng lực Phật khó nay nghĩ bàn luận, xưa nay chưa từng có. Thiền sư một chí Tây phương hết lời ngợi khen. Như đây đến cả muôn đều lành cùng trở về, cũng cố sức khuyến tu trì. Mới biết kẻ thông suốt, chẳng tiếc tuệ lợi, nhiều cách khảo xét, mà lìa xa sự đắm chìm vắng lặng. Phú này sư có chú thích nhiều đây không chép ra. Nhìn chung đều là văn kinh lời mầu. Và các linh tích trong truyện vãng sinh. Kẻ học rộng chuộng đạo xem đây sẽ nắm được chỗ cốt yếu.

2. Lời vua gửi về người viết An dưỡng Phú của vua nước Ngô Việt là Tiên Thục.

Có nghe ở nước An dưỡng Phật Di-đà đem Tịnh độ hóa độ muôn loài, một niệm chẳng mê liền gá vào thai Thánh dễ như trở bàn tay. Tin và không tin đều là chân như. Ta luôn bình yên vui vẻ sáng suốt, sư dắt dẫn bốn chúng quyết chí Nhất thừa, khuyên ta bằng nhân trắng sáng, giúp ta bằng quả sen xanh. Bọn lành của trời người chẳng phải sư thì còn ai nữa. Ta luôn nhớ khanh, sớm tối để lòng. Nên ban lời khen thưởng để khiến biết rõ lòng ta. Thư chẳng hết ý.

3. Lời Minh và lời tựa về am Nhật Quán của Từ Vân Sát chủ Tuân Thức.

Ngày 13 tháng 2 mùa Xuân Canh Thân, thuộc niên hiệu Thiên Hy thứ 4, ở phía Nam ngọn kỳ xà Phi Lai chùa cổ Thiên trúc, Sa-môn Tuân Thức ở ngọn phía Đông chùa, bên động Hương Lâm xây cất Am Nhật Quán đã thành, nay khắc đá viết bài minh Nhật Quán: (Xuất xứ từ kinh Thập Lục Quán).

*Ta đối Diệu Linh
 Tâm luôn quỳ khuynh
 Nước về hơn trượng
 Sáu rộng ngưng làm
 Như chiếc trống treo
 Như ngọc tinh anh
 Trùng mắt nhìn thẳng
 Niệm mãi chú thành
 Hình tròn đỏ chói
 Hoảng hốt trung sinh
 Đạp sương vãng đến
 Còn phần sáng tỏ
 Dắt tưởng phương Tây
 Giữ thân đi xa
 Ở ngay tại nhà.
 Trước mắt còn mãi.*

LOẠI KỆ

1. Kệ vẽ tượng Phật A-di-đà (và lời tựa) của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.

Luật sư Nguyên Chiếu ở Tiên Đường khuyên khắp người tại gia, xuất gia chí thành nương về Thế giới Cực lạc Tây phương. Ở Mi Sơn,

Tô Thức vâng lời người mẹ đã mất là Thục quận Thái quân họ Trình ở Thục quận, đem kỷ vật là cây trầm báu đổi tiền nhờ thợ khéo là Hồ Tích vẽ tượng Phật A-di-đà để tiến vong linh cầu phước. Có kệ tụng rằng:

*Phật có đại Viên giác
Trần khắp mười phương cõi
Con vì tưởng diên đảo
Ra vào biển sinh tử
Vì sao chỉ một niệm
Được vãng sinh Tịnh độ
Ta tạo nghiệp vô thì
Một niệm lại có dư
Đã từ một niệm sinh
Liên theo một niệm diệt
Chỗ sinh diệt diệt hết
Thì ta với Phật đồng
Như rót nước vào biển
Như trong gió đánh trống
Tuy có trí Đại Thánh
Cũng không thể phân biệt
Nguyện cha mẹ đời trước
Cùng tất cả chúng sinh
Chỗ sinh đều Tây phương
Nơi gặp đều Cực lạc
Người người Vô Lượng Thọ
Không đến cũng không đi.*

2. Giải thích bài kệ khen ngợi Phật của ngài Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm của Từ Vân Sâm chủ Tuân Thức.

*Lại ánh sáng gọi là thấy Phật
Sáng này giác ngộ người sắp chết
Khiến tùy ngộ niệm thấy Như Lai
Chết rồi được sinh về Tịnh độ
Thấy người sắp chết khuyên niệm Phật
Và bày tôn tượng khiến kính lạy.
Khiến ở trước Phật rất quy kính
Như thế thì thành ánh sáng này.*

Hai bài kệ này bốn câu trước khen Phật phát ra ánh sáng. Ánh sáng ấy tên là thấy Phật, có công năng khiến cho người sắp chết thấy

Phật vãng sinh. Bốn câu sau khen Phật tu nhân ánh sáng này. Nhân ấy chỉ là khuyên người sắp chết niệm Phật và bày tượng Phật, nên khi thành Phật thì có được ánh sáng này. Nay rộng thí kệ này là khuyên người tin sâu chắc. Hễ gặp bà con và tất cả mọi người khi sắp chết thì trước giường bày tượng Phật để cho người ấy thấy Phật và khuyên niệm Phật. Nếu người bị đau đớn ép ngặt hoặc từ trước không có tâm tin tưởng không chịu niệm Phật, thì phải dùng các phương tiện dạy họ xưng niệm ít nhất là mười câu thì diệt hết các tội nặng mà vãng sinh Tịnh độ. Đây là một lợi ích chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Nếu khuyên một người được sinh Tịnh độ thì nếu mình không tu hành cũng được cùng sinh về cõi Phật. Huống gì đều đương lai khi thành Phật thì sẽ phát ra ánh sáng này chiếu khắp tất cả chúng sinh khi qua đời sẽ được thấy Phật. Phần nhiều thấy người đời vì ân ái mà dục đầu khóc lóc, chẳng lo việc cứu độ. Thật khổ thay, khổ thay! Gọi đó là bạn ác. Ân ái trói cột sẽ bị đọa vào đường dữ không có ngày ra. Ở đời có năm hạng người chẳng chịu niệm Phật.

1. Trước không có tín tâm.
2. Luyến tiếc tiền của.
3. Không bỏ vợ con.
4. Tự tiếc thân mạng mình.
5. Tội nghiệp ngăn che.

Chết rồi phải bị đọa địa ngục, xin sớm giác ngộ.

3. Kệ y theo kinh mà lập chánh tín Vãng sinh của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

*Đảnh lễ cõi An lạc Tây phương
 Di-đà Thế Chủ đáng Đại Từ Tôn
 Nay con y theo Tu-đa-la
 Thành tựu lòng tin chắc vãng sinh
 Người trụ Đại thừa tâm thanh tịnh
 Mười niệm niệm Phật Vô Lượng Thọ
 Lâm chung mộng Phật chắc vãng sinh
 Kinh Đại Bảo Tích dạy như thế.
 Năm nghịch các lửa địa ngục hiện
 Gặp Thiện tri thức phát tâm mạnh
 Mười niệm niệm Phật liền vãng sinh
 Kinh Thập Lục Quán dạy như thế
 Nếu người vui vẻ tâm ưa thích
 Ít nhất mười niệm liền vãng sinh*

Nếu không như thế không thành Phật
Bốn mươi tám nguyện dạy như thế.
Những ai nghe tên mà dốc lòng
Một niệm hồi hướng liền vãng sinh
Chỉ trừ năm nghịch, chê chánh pháp
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Khi chết không thể quán và niệm
Chỉ lo buôn bán biết có Phật
Người này dứt hơi liền vãng sinh
Kinh Đại Pháp Cổ dạy như thế
Một ngày một đêm treo lọng lụa
Chuyên niệm vãng sinh tâm không dứt
Ngủ mộng thấy Phật liền vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Suốt ngày đêm niệm danh hiệu Phật
Siêng năng tinh tấn không dứt quãng
Lân lượt khuyên nhau cùng vãng sinh
Trong kinh Đại Bi dạy như thế.
Một ngày, hai ngày hoặc bảy ngày
Chấp trì danh hiệu tâm không loạn
Phật hiện trước mắt liền vãng sinh
Kinh A-di-đà dạy như thế.
Nếu người nghe A-di-đà kia
Một ngày, hai ngày hoặc hơn nữa
Giữ niệm hiện tiền liền vãng sinh
Trong kinh Ban-chu dạy như thế
Mười ngày mười đêm trong sáu thời
Năm vóc lạy Phật, niệm không dứt
Hiện thấy Phật ấy liền vãng sinh
Kinh Cổ Âm Vương dạy như thế.
Mười ngày mười đêm giữ trai giới
Treo phướn lọng lụa, đốt hương đèn
Giữ niệm không dứt được vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Nếu người chuyên niệm Phật một phương
Hoặc đi hoặc ngồi bốn mươi chín ngày
Hiện thân thấy Phật liền vãng sinh
Trong kinh Đại Tập dạy như thế

Nếu ai tự thệ đi kinh hành
 Trong chín mươi ngày chẳng ngồi nằm
 Ở trong Tam-muội thấy Di-đà
 Trong kinh Phật lập dạy như thế
 Nếu người ngồi thẳng xoay hướng Tây
 Trong chín mươi ngày luôn niệm Phật
 Thành tựu Tam-muội sinh trước Phật
 Văn-thù Bát-nhã nói như thế
 Tôi đối các kinh trích làm vài tụng
 Như thế mà nói mãi vô cùng
 Nguyện ai cùng nghe sinh chánh tín
 Lời Phật chắc thật không dối gạt.

Có người nghi hỏi:

- Thấy bài kệ này nói có mười niệm, cho đến chỉ một niệm sinh tin ưa, cho đến chỉ lo làm ăn nhưng biết có Phật thì cũng sinh về nước ấy. Lại có người bốn mươi chín ngày hay chín mươi ngày niệm Phật thì mới được vãng sinh. Há chẳng phải Tịnh độ là một sao nhân tu lại có khác?

Giải thích: Tịnh độ tuy một nhưng người sinh tự khác. Kinh Vô Lượng Thọ tự chia có ba bậc. Kinh Thập Lục Quán thì chia làm chín bậc. Nếu chia kỹ thì cũng vô lượng.

Lại có người nghi hỏi: Bậc hạ phẩm (bậc thấp nhất) do nhân tu cạn nên cũng có lui sụt phải không?

Giải thích: Không phải như thế. Chỉ chín phẩm hoa nở là có nhanh chậm, cách Phật có xa gần, được đạo có nhanh chậm mà người sinh nước ấy thì đều là bậc không lui sụt. Kinh nói: người sinh về đó đều trụ vào chánh định. Lại nói: Chúng sinh sinh về đó đều là A-bệ-bạt trí, nghĩa là không lui sụt. Luận Thập Nghi nói có năm nhân duyên không lui sụt.

1. Phật A-di-đà có nguyện lực đại Bi giữ gìn nên không lui sụt.

2. Ánh sáng Phật luôn soi chiếu, nên tâm Bồ-đề luôn tinh tấn không lui sụt.

3. Nước chim, cây rừng, tiếng gió, giọng nhạc nói khổ không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng nên không lui sụt.

4. Nước ấy thuần là các Bồ-tát làm bạn lành không có duyên ác, cảnh ngoại không có quỷ thần tà ma, trong không có ba độc, phiền não rối ráo chẳng khởi cho nên không lui sụt.

5. Người sinh về nước ấy tuổi thọ lâu dài bằng với Phật Bồ-tát cho nên không lui sụt.

Huống ở đời ác này chẳng những không có năm duyên ấy, mà còn bị ác tri thức, thanh sắc làm say loạn, ma quỷ mạnh mẽ, tuổi thọ ngắn gập. năm thứ đều xấu ác phá hại tu đạo, uổng phí nhiều kiếp. Xin nghĩ kỹ, nghĩ kỹ!

Có người hỏi: Tất cả các Pháp vốn không sinh không diệt, bình đẳng vắng lặng sao phải gắng gượng khuyên bỏ đây cầu kia?

Giải thích: Nếu bảo cầu sinh Tây phương là lấy bỏ, trái với, lý bình đẳng thì anh lại bỏ kia chấp đây, há chẳng trái lý ư? Nếu cho rằng ta chẳng cầu sinh ở đó cũng chẳng cầu sinh đây thì đó là sinh “Kiến chấp đoạn diệt”. Kinh Kim cang Bát-nhã nói: Há chẳng bàn về không, Phật răn Tu-bồ-đề rằng: Ông chớ nghĩ rằng người phát tâm Bồ-đề đối với Pháp chẳng nói tướng đoạn diệt. Kẻ thật hiểu không là đối với pháp nhân duyên hiểu rõ tánh sinh mà không sinh, tánh diệt mà không diệt. Không phải gọi là đoạn, vô vi chẳng sinh diệt vậy. Trung luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là Không, Không nói Diệt, Không nói sau Không. Kinh Duy-ma nói: Biết các cõi Phật và chúng sinh không mà luôn tu Tịnh độ giáo hóa các chúng sinh.

Có người hỏi: Tịnh độ ở tâm đâu cần phải tìm ở bên ngoài. Hễ Tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Há lại xa xôi cầu sinh Tịnh độ phương khác ư?

Giải thích: Ông lại chẳng hiểu rõ nghĩa của Tâm cõi. Tâm ông bị hạn cục ở nơi chốn nên mới thấy Tây phương là cõi ngoài cõi này. Sao lại nói tâm tịnh thì cõi Phật tịnh ư? Kinh Hoa Nghiêm nói: ba thứ Tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau. Phật pháp đã khắp thì tâm pháp cũng khắp. Nếu đều có phương hướng thì đâu gọi là không khác. Lại nói tâm đi khắp pháp giới như hư không với hư không, đâu thể phân cách. Nếu rõ được một niệm tâm khắp, một trần cũng khắp, mười muôn ức cõi chỉ khoảng một bước, đâu ở ngoài tâm. Người đời nếu nói lý không liền bác bỏ nhân quả, nếu nói tự tâm thì chẳng tin có các pháp bên ngoài. Há chỉ chê pháp mà chê cả tâm mình, tội đáng đọa lạc muôn kiếp, thật đáng thương thay. Vọng nói phải trái mà ngăn người khác tu Tịnh độ, thật là ác tri thức. Kinh Vô Lượng Thọ có nói Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng công đức trí tuệ của trời, người và các Thanh văn, Bồ-tát ở nước Vô Lượng Thọ không thể nói hết. Lại nước ấy nhiệm mầu an vui thanh tịnh. Như thế vì sao chẳng cố gắng làm lành, niệm đạo tự nhiên, phải đều tinh tấn gắn sức tự cầu sẽ được vượt lên, vãng sinh về nước An

lạc. Dứt ngang năm đường ác, đường tự nhiên đóng, tiến đạo vô cùng. Rất dễ đến mà không có người đi. Nước ấy không có trái nghịch tự nhiên, sao chẳng bỏ việc đời mà siêng năng cầu đạo đức, sẽ được sống lâu, an vui vô cùng cực.

4. Kệ viết kinh Di-đà Chánh Tín Phát Nguyện của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

*Kính lạy Phật mười phương
 Di-đà Thánh trong Thánh.
 Phương đẳng Tu-đa-la
 Tất cả kho pháp báu
 Quán Âm và Thế Chí
 Vô số Bồ-tát Tăng
 Con đem tâm tín thành
 Khắc in và ấn tống,
 Quyển kinh A-di-đà
 Và cả kệ chánh tín
 Đều đủ cả một muôn
 Thí bốn chúng thọ trì
 Kệ để phát tín tâm
 Kinh để giúp đọc tụng
 Nếu ai trong mỗi ngày
 Tụng ít nhất ba quyển
 Năm tụng ngàn tám mươi
 mười năm muôn tám trăm
 Huống lại tụng nhiều hơn
 Và trải nhiều năm tháng
 Như thế chứa công đức
 Tự nhiên sinh trước Phật
 Nay tôi muôn quyển kinh
 Hễ nơi nào truyền đến
 Được ít nhất một người
 Tụng trì sinh Tịnh độ
 Tôi nguyện nhờ sức này
 Chắc chắn sinh nước ấy
 Huống lại có nhiều người
 Người mất kinh vẫn còn
 Xoay vần truyền cho nhau
 Gọi là đèn vô tận*

Các ngọn chiếu sáng nhau,
 Phá đêm dài sinh tử
 Hiện sáng Phật Bồ-đề
 Rốt ráo đều cùng sinh
 Tịnh độ Thường Tịch Quang
 Dem phước thanh tịnh này
 Hồi hướng vua, cha mẹ
 Thánh đế vua nước tôi
 Cùng hoàng hậu Thánh vị
 Tuổi thọ đều muôn năm
 Che chở khắp chúng sinh
 Cha mẹ bà con tôi
 Oán thân, chẳng oán thân
 Đều nhờ gốc lành này
 Đồng sinh nước An dưỡng.

5. Kệ Diêu Hạnh Bà trong vầng mặt trời thấy Phật (và lời tựa) của Pháp sư Diêu Hạnh Pháp Di.

Phật A-di-đà ở Tây phương có bốn mươi tám nguyện trong đó có một nguyện nói rằng: Khi tôi thành Phật, chúng sinh mười phương muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu tôi mười câu mà chẳng sinh thì tôi thể không thành Phật. Nếu ai mỗi ngày buổi sáng chấp tay xoay mặt về hướng Tây niệm danh hiệu Phật mười hơi thì hiện đời tiêu tai được sống lâu, tương lai chắc chắn được vãng sinh. Thấy Dụ Di-đà ở Tiền đường, vẽ tượng Di-đà mà Diêu Hạnh Bà thấy được trong mặt trời có hình Phật A-di-đà. Người nào dụng tâm chuyên chú thì cũng cảm ứng như thế. Tỳ-kheo Diêu Hạnh Pháp Di dùng kệ khen rằng:

Thế giới Cực lạc có nơi chốn
 Chỉ ở nơi mặt trời thường lặn
 Do đó Phật dạy Vi-đề-hy
 Quán kỹ trời lặn như trống treo
 Hay thay một bà lão họ Diêu,
 Đã dùng tâm ấy cầu Tịnh độ
 Sáng quán chiều tưởng không tháng năm
 Ngồi niệm hành trì quên lạnh nóng
 Di-đà bỗng từ tâm tưởng sinh
 Trong lúc hoảng hốt lại thấy rõ
 Lúc ấy, giữa trời không áng mây
 Nằm yên hòa trên ngọn tang du

Mặt trời Phật chiếu sáng rực rỡ
 Mắt xanh lông trắng tướng đẹp lạ
 Mắt tâm kinh hãi mừng lại lo
 Chạy bảo Đạo sư Di-đà Dụ
 Thuật đủ các việc rất ít có
 Nguyện vẽ kim dung gá lông trắng
 Tôi nghe việc lạ khen ít có
 Bèn viết lời kệ mở chửa ngộ
 Nên biết cách Phật không hề xa
 Xiển đề đâu được nói như thế.
 Tuy qua mười ức cõi Phật
 Một niệm vượt qua trong tích tắc
 Như có người quên hỏi đường đi
 Vì sao hướng đạo không chỉ thẳng.

6. Kệ khen Dụ Di-đà (và lời tựa) của Tả Triều Nghị đại phu Đinh Chú.

Tịnh Sư bỏ vợ con làm đồ đệ Như Lai, nhóm muôn người kết hội Tịnh độ. Người trong làng là Đinh Chú làm kệ khen rằng:

Tâm tịnh, cõi Phật tịnh
 Pháp vương chẳng nói dối
 Dem thân khỏi trần cấu
 Bèn thấy sen trong lò
 Một niệm khởi chẳng dứt
 Cực lạc liền hiện tiền
 Đại thiên đồng cảnh này
 Há chỉ duyên muôn người.

7. Bài tụng về kinh Thập lục Quán của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Phân tựa:

Vi-đề thành kính thỉnh Năng nhân
 Nguyện nói nhân cõi tịnh Tây phương.
 Mười sáu quán gồm ba tịnh nghiệp
 Tu lành sẽ được thân vãng sinh.

Quán mặt trời:

Một, ngồi hướng Tây tưởng mặt trời
 Thấy mặt trời lặn như trống treo
 Thấy xong nhắm mắt và mở mắt
 Điều hiện rõ ràng ở trong tâm.

Quán nước:

Hai, quán tưởng nước thấy Tây phương
 Tất cả đều là nước Tịnh độ
 Đã thấy nước rồi tưởng thành băng
 Sáng lòa trong suốt đất lưu ly.

Quán đất:

Ba, chánh quán đất báu lưu ly
 Quán kỹ rõ ràng nước Cực lạc
 Tám thứ gió mát khua tiếng nhạc
 Khúc “Khổ, không, vô ngã, vô thường”.

Quán cây:

Bốn quán cây báu bảy hàng lớp
 Hoa báu trưng bày cung điện báu
 Cờ phướn, lọng báu hình lớp lớp
 Cõi Phật mười phương hiện trong đó.

Quán ao:

Năm, tưởng ao bảy báu Tịnh độ
 Trong ao có nước tám công đức
 Tuôn chảy niệm rõ Phật, Pháp, Tăng
 Hoa sen đẹp báu ngàn muôn ức.

Quán chung:

Sáu, quán cõi báu, lầu gác báu
 Cây báu lại gồm cả ao báu
 Đây là quán chung nếu được thành
 Là thấy Cực lạc về phần thô.

Quán tòa hoa:

Bảy tưởng đài tòa hoa sen đẹp
 Nguyễn lực, Di-đà rộng lớn thành
 Khi khởi quán này tâm không loạn
 Tưởng chắc Cực lạc sẽ được sinh.

Quán tượng:

Tám, quán giới Phật Như Lai pháp giới thân
 Khấp vào tất cả tướng chúng sinh
 Người trí phải quán tâm tướng này
 Tâm ấy tức tượng Phật, Bồ-tát.

Quán Vô Lượng Thọ:

Phật Vô Lượng Thọ thân màu vàng
 Sáng suốt chiếu khắp các chúng sinh

Người trí siêng tu giữ tâm quán
Các Phật hiện tiền đồng thọ ký.

Quán Quán Thế Âm:

Bồ-tát Quán Âm thân sắc vàng
Hào tướng giữa mày màu bảy báu
Phát ra ánh sáng khắp mười phương
Trong có vô số ức Hóa Phật.

Quán Đại Thế Chí:

Kế quán thân Bồ-tát Thế Chí
Bằng với Quán Âm không gì khác
Chỉ ở nhục kế trong bình báu
Có đầy ánh sáng hiện Phật sự.

Quán vãng sinh khắp:

Ngồi tưởng thân sinh cõi Cực lạc
Hoa sen khép mở, mình ngồi trong
Hoa nở thấy Phật đầy hư không
Nước chim, cây rừng nói kệ pháp.

Quán Tọa vãng sinh:

Lại tưởng Di-đà hai Bồ-tát
Thần thông biến hiện việc như trước
Quán tọa mà thành vô lượng phước
Chắc sinh An dưỡng hầu Phật-đà.

Quán Thượng phẩm thượng sinh:

Tâm từ không giết, giữ các giới
Đọc tụng kinh Đại thừa Phụng đảnh
Tu hành sáu niệm nguyện hồi hướng
Khi chết Hóa Phật đều đến rước.

Thượng phẩm trung sinh:

Người không thọ trì kinh Phụng đảnh
Hiểu Đệ nhất nghĩa, rõ nhân quả
Đài vàng tía hiện lúc qua đời,
Tự thấy thân mình ngồi trên đài.

Thượng phẩm hạ sinh:

Tin sâu nhân quả, tu Đại thừa
Chỉ phát tâm Vô thượng Bồ-đề
Hồi hướng công đức nguyện vãng sinh
Sinh rồi sẽ trụ Hoan hỷ địa.

Trung phẩm thượng sinh:

Thọ trì năm giới, tán giới trai
 Tu hành các giới nguyện hồi hướng
 Chết rồi vãng sinh nghe pháp âm
 Ngay đó liền chứng A-la-hán.

Trung phẩm trung sinh:

Nếu người dốc lòng một ngày đêm
 Giữ giới trì trai không thiếu sót
 Hồi hướng công đức nguyện vãng sinh
 Bảy ngày hoa nở được thọ ký.

Trung phẩm hạ sinh:

Hiếu dưỡng cha mẹ, hành nhân nghĩa
 Khi chết lại gặp tri thức tốt
 Nói rộng nhân nguyện lớn Di-đà
 Trong khoảng duỗi tay sinh nước ấy.

Hạ phẩm thượng sinh:

Nếu người tuy chẳng chê tôn kinh
 Gây các nghiệp ác không hổ thẹn
 Sắp chết được khuyên niệm Di-đà,
 Vãng sinh mười kiếp chứng Sơ địa.

Hạ phẩm trung sinh:

Nếu có chúng sinh phạm các giới
 Trộm cắp các vật của Tam bảo
 Sắp chết được khuyên niệm Di-đà
 Chỉ trong một niệm sinh nước ấy.

Hạ phẩm hạ sinh:

Gây năm tội nghịch, mười điều ác
 Đáng đọa địa ngục, chịu các khổ.
 Sắp chết được khuyên niệm Di-đà.
 Chắc chắn siêu sinh về nước ấy.

8. Bài tụng về mười sáu pháp quán của Pháp Sư Tra Am Hữu
 Nghiêm

1. Quán mặt trời.

Mặt trời lặn hình chiếc trống treo
 Ngồi kiết già xoay mặt hướng Tây
 Thân tuy chưa đến trong ao hoa,
 Trước đã đưa tâm về Cực lạc.

2. Quán nước.

Tưởng nước thành băng suốt đáy trong

Tiêu biểu lưu ly cột báu nâng
Sáng suốt rực rỡ trăm mặt trời
Đây gọi “nước tâm thiền” quán thành.

3. Quán đất.

Đất báu trong nghiêm khi muta hoa
Cờ phướn lâu gác thích suy tư
Đất bằng hướng là tâm ngàn pháp
Gá cảnh sáng tâm chẳng thể dời

4. Quán cây.

Cây báu lớp lớp tướng dựa cao
Trang nghiêm lười châu giăng mấy lớp
Nếu hiểu rõ được cảnh do tâm
Tuy ở Tây phương đường chẳng xa.

5. Quán ao.

Tám đức lắng trong gọi ao đức
Đáy bằng cát vàng chiếu sáng trưng
Nước chảy lại nói kệ vô sinh
Nghe rồi đều quán tâm.
Giữ niệm

6. Quán chung.

Cõi nước nghiêm báu bảy báu thành
Ở trong lầu gác nhạc trời trỗi
Cây ngọc ao hoa gọi quán chung
Quán rõ diệt tội việc không nhỏ.

7. Quán tòa hoa.

Hoa sen tám mươi bốn ngàn cánh
Các mẫu trang nghiêm vô số quang
Lấy hoa sen này làm tòa báu
Mở bày ngôi đọi pháp trung vương.

8. Quán Phật, Bồ-tát.

Quán chân thân Phật, tuệ chưa khai
Trước dạy quán tượng ngôi đài hoa
Phật, Bồ-tát thân đầy nước ấy
Phải rõ tượng kia từ đâu lại.

9. Quán Vô Lượng Thọ.

Phật kia vòi vọi thân cao quý
Sáng suốt chiếu khắp số như bụi
Chúng sinh được chiếu tâm quy Phật

Liên là người Tịnh độ Tây phương.

10. Quán Quán Thế Âm.

Bồ-tát tên là Quán Thế Âm

Tâm đại Bi trùm khắp mười phương

Ánh sáng vàng tím, sức oai thần

Biển thệ sâu, dắt dẫn chúng sinh.

11. Quán Đại Thế Chí.

Sức vô thượng gọi Đại Thế Chí

Sạch đẹp sáng gọi vô biên quang

Nếu người quán niệm Bồ-tát này

Chẳng ở bào thai đầy hôi hám.

12. Quán vãng sinh khắp.

Khi khắp quán thành liền có công

Tưởng thân về Tây rừng hoa đẹp

Hoa sen khép mở thấy rõ ràng

Bồ-tát, Như Lai đầy hư không.

13. Quán tạp tướng.

Phật hiện oai quang thân lớn nhỏ

Quán Âm, Thế Chí ở hai bên

Nếu tu tạp quán được thành tựu

Đây lại gọi là nhân thanh tịnh.

14. Quán ba bậc thượng.

Bậc thượng có đưa ra ba phẩm,

Khi chết, các Phật phát ánh sáng

Đài hoa đón nước sinh An dưỡng

Biết là Viên tông thập tín tâm.

15. Quán ba bậc trung.

Bậc Trung chia làm năm hạng người

Ngoài tu giới phẩm trong tu chân

Chết rồi năm đường liền ra khỏi

Liên được thân vô lậu Tây phương.

16. Quán ba bậc hạ.

Phàm phu tuy gây rất nhiều nghiệp

Trời lặn bên ao luôn quán tưởng

Được gọi là người sinh Tịnh độ

Phải biết không dễ cũng chẳng khó.

9. Các bài tụng về mười sáu pháp quán của Luật sư Đại Trí Nguyên
Chiếu.

Linh Sơn chúng hội
 Núi Kỳ-xà mất
 Cung vua hiện ra
 Việc xong trở về
 A-nan kể lại.
 Vi-đề hỏi pháp:
 Nhất ở cung sâu,
 Phát khởi việc lớn
 Chúng sinh ác trược
 Đều khiến được ban

1. Quán mặt trời.

Trời lặn trống treo
 Thoát đường sinh tử
 Trong mười hai thời
 Giữ niệm một chỗ.

2. Quán nước.

Nước lớn lắng trong
 Đóng lại thành băng
 Làm đất lưu ly
 Trong ngoài trong suốt.

3. Quán đất.

Trên đất lưu ly
 Các tướng trang nghiêm
 Thấy rất rõ ràng
 Trừ nghi phá chướng.

**4. Quán
 cây.**

Bảy lớp hàng cây
 Lưới châu cung hoa
 Giăng mắc rợp trời
 Đẹp đẽ vô cùng.

5. Quán ao.

Nước ao tám đức
 Sắc đẹp bảy báu
 Sen nở chim hót
 Rửa sạch phiền não.

6. Quán chung.

Nhạc trời trong lầu
 Khen Phật Pháp Tăng,

Cây, đất, ao bấu
 Một niệm viên thành.

7. Quán tòa ngôi.

Tòa hoa sen lớn
 Trang sức trăm báu
 Đẹp đẽ khó lường
 Nguyễn lực Pháp tạng.

8. Quán tượng.

Mượn tượng ngưng chân
 Thấy chân quên tượng
 Ba Thánh sáng rõ
 Vẫn gọi tưởng thô.

9. Quán

Phật.

Quán Phật tướng tốt
 Tông yếu một kinh
 Tam-muội hiện tiền
 Mới biết sâu mâu.

10. Quán Quán Âm.

Sáng đến năm đường
 Mãi có Phật đứng
 Nghe tên được phước
 Huống là quán kỹ.

11. Quán Thế Chí.

Sáng chung các Phật
 Cứu giúp các khổ
 Bình đầu đầy sáng
 Hiện khắp cõi Phật.

12. Quán khắp.

Kiết già trong sen
 Hoa sen khép mở
 Y, chánh trang nghiêm
 Tất cả đều nhiếp.

13. Quán

tạp.

Chót vót trên ao
 Tượng một trượng sáu
 Biến hiện lớn nhỏ
 Rõ tướng vô định.

14. Thượng phẩm thượng sinh.

*Ba tâm phát đủ,
Đế lý sáng sâu
Đài vàng theo về
Liên chứng vô sinh.*

Thượng phẩm trung sinh.

*Rõ các pháp không
Chẳng hề kinh động
Có nguyện liên sinh
Chẳng cần đọc tụng.*

Thượng phẩm hạ sinh.

*Chỉ phát tâm đạo
Chưa cùng lý mẫu,
Đến đó mở sáng
Được ký Bồ-đề.*

15. Trung phẩm thượng sinh.

*Giữ lâu các giới
Vãng sinh như nguyện
Nghe nói khổ không
Chứng A-la-hán.*

Trung phẩm trung sinh.

*Một ngày một đêm
Giữ giới nguyện cầu
Hoa nở thấy Phật
Liên vào dòng Thánh.*

Trung phẩm hạ sinh.

*Hiếu nghĩa nhân từ
Tri thức khai ngộ
Gặp hai Bồ-tát
Nghe Pháp được độ.*

16. Hạ phẩm thượng sinh.

*Bình thường làm ác
Chết gặp thầy lành
Xưng một câu Phật
Sinh ao hoa sen.*

Hạ phẩm trung sinh.

*Phá giới nghiệp sâu
Lửa địa ngục hiện
Nghe pháp hồi tâm*

Các Thánh rước đi.

Hạ phẩm hạ sinh.

Mười ác, năm nghịch

Khi chết khổ bức

Dạy xưng mười niệm

Hoa nở màu vàng.

10. Tụng: Khuyến hóa đường tắt tu hành của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô:

Dần dà da môi tóc bạc

Lần hồi từng bước run run

Dấu cho vàng ngọc đầy nhà

Ai khỏi suy tàn già bệnh

Mặc tình muôn ngàn vui sướng

Vô thường rốt sẽ đến nơi

Chỉ có đường tắt tu hành

Chỉ niệm A-di-đà Phật.

11. Bài tụng khuyên niệm Phật của Thiên sư Từ Giác Tông Trách:

1. Ba cõi nóng phừng như đồng lửa

Chẳng phải chỗ an thân đạo nhân

Hoa sen bặt lạnh đợi đã lâu

Hãy thu xếp thân tâm trở về.

2. Mắt tưởng tâm luôn giữ hình Thánh

Cần phải niệm niệm chớ sinh nghi

Năm nào Tịnh độ hoa sen nở

Nhớ mãi lúc niệm Phật Ta-bà.

3. Cực lạc chẳng lìa chân pháp giới

Di-đà tức là vua tâm mình

Lông trắng giữa mày không nơi chốn

Cột lông đèn cũng phát sáng.

4. Gấp tu trai giới chớ dần dà

Ngàn Thánh đồng mở pháp niệm Phật

Một mai công thành về Tịnh độ

Trong sáng lông trắng hầu Từ Tôn.

12. Bài tụng nói về Tịnh độ Tây phương của Thiền sư Từ Giác
Tông Trách:

Tây phương nhiều việc vui
 Nhiều kiếp khó nói hết
 Tuổi thọ thật vô tận
 Ánh sáng không bờ mé
 Gió đạo thổi tuệ duyên
 Nước định mọc sen hồng.
 Hải hội cùng hội họp
 Hoa trời rơi chỗ ngồi
 Hải chúng đều thanh tịnh
 Đạo Bồ-đề dễ thành
 Tâm tâm đều chánh niệm
 Vật vật hợp Chân thừa
 Đất tánh ngọc lưu ly
 Viên âm các chim hót
 Cành phải lên bờ Giác
 Chớ để theo nghi thành
 Chân đạp đất Vô ưu
 Thân ở không chỗ nơi
 Sáu thời châu Thánh chưa
 Buổi sáng đến phương khác
 Điện báu tùy thân đi
 Hoa trời khắp cõi thơm
 Trở về lại nơi ở
 Thiền duyệt vị nào hơn
 Chớ nói Tây phương xa
 Tây phương trước mắt ta
 Nhưng cách hơn mười muôn
 Không hề lìa ba ngàn
 Vừa mở miệng niệm Phật
 Ao sen hoa đã mọc
 Tín tâm luôn không lùi
 Quyết định lễ Phật-đà
 Ao lắng nước công đức
 Gió động tiếng đờn sáo
 Lưới báu khắp khoảng không
 Lầu đài sáng rùng rầu

Sáu căn thường hợp đạo
Muôn cảnh chỉ do tâm
Không phải người khó đến
Do tín tâm chưa sâu
Hạnh nghiệp chia ba bậc
Hoa sen cùng một ao
Rõ ràng lên Cực lạc
Quyết định được La-hán
Chướng hết, mặt trời sáng
Khi tâm mở thấy Phật
Trong đó vui vô hạn
Chỉ đồng đạo mới biết
Cực lạc lý chân như
Di-đà trí tuệ quang
Khi mê chìm cõi này
Lúc ngộ về Tây phương
Rõng sáng luân hồi dứt
Mênh mông tuổi thọ dài
Tín căn vừa một niệm
Tâm địa đã mát trong
Tin sâu rồi sẽ đến
Nghĩ nhiều không thể biết
Tâm tịnh nương một niệm
Công hạnh vượt tăng-kỳ
Liên vào vị A-duy
Lại ngang hàng Bồ-xứ
Tiến tu thật mạnh mẽ
Chẳng cần đợi tu lâu
Người hỏi người tu thiền
Tông môn muôn việc quên
Thì siêu sinh Cực lạc,
Cần gì đến Tây phương
Chẳng nghe nhà Thiền nói
Tây phương là quê xưa
Mã Minh đã dạy kỹ
Long Thọ cũng ngợi khen
Chớ nói Ta-bà khổ
Khổ Ta-bà giết người

Tham, sân, si loạn ý
 Da thịt máu thành thân
 Hang oán tắng la-sát
 Làng ám nhập vô minh
 Hãy mau sinh Cực lạc
 Nẻo về chớ dần dà
 Chớ nói Ta-bà khổ
 Ta-bà khổ rất sâu
 Tà ma luôn là bạn
 Tật bệnh thường xâm hại
 Thanh sắc đất yêu dâm
 Tâm Thiên-na lạnh nhạt
 Hãy mau sinh Cực lạc
 Nẻo về chớ trầm ngâm
 Chớ nói Ta-bà khổ
 Khiến người khóc sứt sùi
 Xoay vần trong ba tai
 Bị lửa năm thống đốt
 Cây hạc sáng bị che
 Hội Long Hoa còn xa
 Hãy mau sinh Cực lạc
 Nẻo về chớ từ nan
 Chớ nói Ta-bà khổ
 Vi-đề bạch Thế Tôn
 Gặp kiếp phiên não trước
 Con gọi Vi Sinh Oán Tâm
 Điều-đạt nào nghịch Hận
 Bình-sa chớ bàn Hãy
 mau sinh Cực lạc
 Ác này không hề nghe.

13. Bài tụng nói về Tam-muội Quán Phật của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm:

Nếu người nguyện được sinh An dưỡng
 Bạc trí khiến nên tu quán tưởng
 Chân thân Di-đà thật khó quán
 Người sơ tâm quán tượng vẽ khắc
 Tưởng thành tướng khởi mắt tâm mở
 Thân mâu vàng ròng như chỉ tay

*Một niệm dứt ngang năm đường ác
Ai bảo không người khiến dễ đến?*

14. Bài tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Thọ Hoài
Thâm.

*1. Muôn người cùng chí niệm Di-đà
Các lực thành nhau nguyện lực nhiều
Hoa sen nở đích thân thấy Phật
Mới biết Tịnh độ hơn Ta-bà.*

*2. Cây rừng chìm nước đều nói pháp
Lưới báu dài vàng đều đạo tràng
Hiểu được tiếng chuông và tiếng trống
Chỗ nào Di-đà cũng phóng quang.*

*3. Râu tóc dần dần điểm tuyết sương
Tâm vượn ý ngựa còn điên cuồng
Một ngày nhắm mắt trở về không
Mới biết Nê-lê tháng năm dài.*

*4. Nghiệp báo khác nhau việc bất đồng
Mệt nhọc cả đời không thoát lồng
Muốn biết tự tánh Di-đà Phật
Sớm chiều một niệm trong tâm ông.*

*5. Chúng sinh biển khổ nghiệp chìm sâu
Chẳng tin nhân duyên chìm đắm lâu
Nghe được âm thanh bèn niệm Phật
Mới hay vợ con tâm lão bà.*

*6. Chẳng phải sơn tăng nói đúng sai
Tu hành việc ma cần biết rõ
Ngay đây rút hẳn đôi giày cỏ
Vượt thoát ao năm dục Ta-bà.*

15. Bài tụng chỉ bày Hạnh Bà (và lời tựa) của Pháp sư Từ Biện
Tùng Giác.

Hạnh Bà gặp sư, sư hỏi tu hành được bao lâu? Bà thưa tu hành đã
nhiều năm. Sư hỏi từng thấy A-nan chưa? Bà thưa đã gặp nhiều Thiện
tri thức. Sư hỏi, họ chỉ bày như thế nào? Bà thưa: Cắt đứt cội gốc, cũng

chẳng xem kinh, cũng chẳng niệm Phật. Sư nói: Lầm rồi! Nhân đó nói Pháp. Bà tin phục, Bèn nói hai bài tụng rằng:

1. *Cắt đứt cội gốc chẳng cần tu
Đến nay các lời ít nguyên do,
Phải nên nắm gốc thoát sinh tử
Niệm niệm Di-đà chớ cầu ngoài.*

2. *Niệm Phật xem kinh là đường đi
Phải tin từ xưa nước là băng
Chỉ hướng cội nguồn nghiên cứu sâu
Từng tiếng đề khởi cho rõ ràng.*

16. Bài tụng khuyên tu Tịnh nghiệp của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

1. *Nghe nói Tây phương rất dễ cầu
Muôn duyên từ đây buông bỏ hết.
Luân châu lớp lớp đều đầy đủ
Chỉ trước Di-đà xin cúi đầu.*

2. *Nghe giáo tham thiền tìm bên ngoài
Không hề quay đầu suy nghĩ lại.
Khi sắp qua đời, đường trước tối
Mới hay bình sinh dụng tâm lầm.*

17. Bài tụng hóa đạo niệm Phật của Luật sư Thanh Chiếu Huệ Hanh:

1. *Thích-ca như thật khen Tây phương
Y, chánh vượt xa ý đã bày
Tín nguyện trì danh không tưởng khác
Từng tiếng tâm trụ ánh sáng lông trắng.*

2. *Nhiều kiếp huân thành thân công đức
Vô biên quang, thọ lập tên tốt
Do đây các Phật đều khen ngợi
Vì sao chúng con chẳng cất tiếng.*

3. *Hồng danh bốn chữ miệng vàng nói
Công thành chỉ ở tâm ta bền
Pháp thân giản dị thật ít có,
Thoát rồi vui thay sen báu khắp nơi.*

18. Bài tụng niệm Phật tâm yếu (và lời tựa) của Pháp sư Hoa Âm Đạo Nhân:

Đức Thích-ca Như Lai nói Phật A-di-đà là thân pháp giới. Ngài Thiên Thai Trí Giả lại nói: Thật tướng là thể. Dựa vào hai cách nói này xem là tâm yếu, thì mười muôn ức cõi như ở trong gương sáng. Nay làm bài tụng vụng về để ấn tâm. Kể tri âm nào đó có vui theo chăng?

*Vô biên là biển cùng hư không
Biển, không toàn là cung hoa sen
Cung sen cùng khắp đầy biển, không
Biển, không riêng bày Phật Di-đà.
A-di-đà Phật chẳng sinh diệt
Khó tìm khó vớt trắng trong nước.
Dứt phi lìa cú thân như thế
Cảm thông như thế, nói như thế.
Ta và Di-đà vốn chẳng hai
Vọng giác ngằm sinh chợt thành khác
Từ nay quét sạch không có bụi
Cha con tự nhiên lại gặp nhau
Thệ tu ba phước hành sáu niệm
Nghiệp thân, miệng, ý không tỳ vết
Nay tôi do đó niệm Di-đà
Không thấy Di-đà không thỏa mãn.*

19. Bài tụng khắc tượng thớm A-di-đà (và lời tựa) của Pháp sư Giải Không Khả Quan:

Ở Hồ tây thuộc Tứ Minh có Sùng giáo theo học với Phạm Cẩn Hành nhân. Vì nguyện xưa mà vào quán đường Diên Khánh hành trì sám Phổ Hiền, tụng kinh Pháp Hoa, trong mộng được xoa đầu mà không hay biết. Do đó hồi hướng Tây phương, thêm vãng Tam-muội niệm Phật. Khắc gỗ Tử Đàn Hương làm tượng Phật A-di-đà như trắng trong nước, không bao giờ được. Bèn cầu Lão Trúc Am chứng minh cho, không lấy ra được cái gì, chỉ có cái đó.

*Lông bạch ngọc trắng do tâm ta
Tượng sáng vàng tím là tánh ta.
Tượng sáng thấy đều không thật có
Ngay đó đều là định diệu thắng.*

20. Bài tụng nói về Tịnh độ và bài Tụng nói về tạ thế của Pháp Cảnh giảng chủ Nhược Ngu:

Trong không ngàn hoa giảng lưới

*Trong mộng bảy báu ao hoa
Yên ổn đạp lên đất Tây phương
Liên không một chút nghi ngờ.
Vốn không có nhà biết về đâu
Bên mây một nẻo có ai hay
Trăng non Tây sắp lặn nơi khen sáng
Chính là lúc mộng đầu tiên dứt.*

21. Khen ngợi Tây phương của Cư sĩ Huyền Trụ Nhậm Bư:

*1. Ao sen bảy báu nước công đức
Sáu thời chìm cùng nói Pháp âm
Ánh Từ xen chiếu không ma nào
Tự tại bay đi chẳng tử sinh.*

*2. Lầu gác trang nghiêm, đường bằng vàng
Hoa sen thơm sạch ánh sáng báu
Tràng hoa chuỗi ngọc cùng gập gờ
Đều nói do nhân niệm Phật sinh.*

22. Bài tụng khuyên tu Tịnh độ của Pháp sư Đồng Giang Trạch

Anh:

*Khổ thay, khổ thay, thật khổ thay
Rớt cuộc lồng vòng chẳng chịu về
Nhà trên cha lành luôn buồn nhớ
Muốn giao gia nghiệp đợi con về.*

23. Bài tụng nói về Bạch Liên Tịnh Xã của quan Hữu Nhai Giám Nghĩa Tùng Chánh:

*Về đi thôi, hãy về đi thôi
Tây phương Tịnh độ sen trắng nở
Từng đợt gió thơm thổi chẳng động
Tiêu dao vui sướng dài vàng tím.*

24. Bài kệ nói về Phật và ma khi tu tịnh nghiệp của Pháp sư Thọ An Lương Bật:

*Di-đà lẽ Di-đà
Bước bước dứt Ta-bà
Phật còn chẳng được Phật
Ma chỗ nào là ma.*

25. Kệ khuyên tu Tịnh nghiệp của Xương Quốc Tế Vương Tôn Chi:

Việc đời như giấc mộng

*Người đời ai trăm năm
Niệm niệm Di-đà Phật
Sen báu mọc trong ao.*

26. Bài tụng khuyên người đời niệm Phật (mất tên tác giả).

*1. Kiếp người phù sinh việc ra sao?
Như én mùa xuân làm tổ cao
Lãng xãng sống động lo sinh sống
Chẳng bằng an phận niệm Di-đà.*

*2. Văn chương luận giải đạu khoa cao
Cửa tía lầu son ý khí cao
Quan cao ai khởi vô thường đến
Không bằng phương tiện niệm Di-đà.*

*3. Múa giáo bắn cung khó ai qua
Ngựa giỏi phóng nhanh mau như thoi
Sức địch muôn người cũng già bệnh
Chi bằng luyện giải niệm Di-đà.*

*4. Giàu sang tiền của chẳng thoả mãn
Sáng tối tính đếm sợ làm lẩn
Ưu phiền bất giác đầu bạc trắng
Chẳng bằng biết đủ niệm Di-đà.*

*5. Âm thanh trong trẻo tiếng ngâm ca
Một bài ca mới nhạc dịu hòa
Bổng cất cao giọng Hành Vân trụ
Chi bằng tịnh khẩu niệm Di-đà.*

*6. Mà liễu mắt sáng tựa hầng nga
Vóc ngọc lại trang điểm lụa là
Đẹp đẽ chỉ khi còn trẻ tuổi
Không bằng mau sớm niệm Di-đà.*

*7. Lắm khoe địch quốc lắm trí mưu
Nhiều bận tranh hơn lắm cam go
Thì giờ một nửa đành bỏ mất
Chẳng bằng ngồi thẳng niệm Di-đà.*

8. *Buôn bán buôn chải lấm bôn ba
Đất khách xa xôi đâu chẳng qua
Sông hồ sóng gió đầy nguy hiểm
Chẳng bằng trở về niệm Di-đà.*

9. *Quen việc công tổn hại người khác
Khéo bày lời lẽ đám lâu la
Gia tài dần phá bị người oán
Không bằng dẹp việc niệm Di-đà.*

10. *Nghiệp giết thù hận chứa càng nhiều
Ăn nói sao đây gặp Diêm-la
Dạy anh một pháp siêu sinh nhé
Hãy nên sám hối niệm Di-đà.*

Loại Thơ

1. Ca vịnh Tịnh độ.

(Trích trong luận Bảo Vương) của Tấn Khang Lạc Tạ Linh Vận:

*Pháp Tạng trong cung vua
Mang đạo ra khỏi thành
Phát ra bốn mươi tám nguyện
Thệ lớn cứu chúng sinh
Tịnh độ cõi diệu nào
Đến đó đều anh hào
Lời suy đâu thể gởi
Nương hóa ắt sớm đi.*

2. Thơ niệm Phật Tam-muội của Tấn Lang Da Vương Kiều Chi:

*Diệu dụng tại đây
Có thấy hay không
Thần do muội suốt
Thức bởi chiếu thô
Chứa vi tự dẫn
Vi công vốn đối
Mất ba quán kia
Quên lông trắng đây
Yên lặng gì đâu
Bước trên huyền vi
Chứa quên thích hợp*

Thông suốt linh sáng
 Tâm đến cõi xa
 Được cơ chẳng hành
 Dùng đó làm xung
 Biết là rất hiếm
 Thần động trời ngưng
 Viên chiếu mây sáng
 Cùng hóa mà gồm Cùng
 các vật này Chẳng nên
 dùng phương Người
 nhận phân biệt Nháy
 mắt gương vức Vàng
 nước bụi phấn, Đã từ
 một sinh
 Có tuệ thức xưa
 Nương người sâu kín
 Nhờ có sức ngâm
 Nghĩ chuyển hào công
 Sâu xa chẳng lường
 Còn khởi niệm này
 Chú tâm Tây phương.

(Trích ở Lô sơn Tập).

3. Thơ niệm Phật Tam-muội (và lời tựa) của Từ Vân Sâm chủ Tuân Thức:

Tựa rằng: Tam-muội niệm Phật là đạo mầu của bậc Thánh. Phàm khích lê dòng pháp đầu gì hơn đây. Sư tuệ Viễn Đồi Tấn, hóa đạo ở Tâm dương, nhóm họp các bậc hiền người thừa hành đúng quy tắc nhất có Lang điện da Vương Kiều Chi, đến khi các bậc Hiền đều làm thơ về niệm Phật Tam-muội thì Tuệ viễn soạn lời tựa. Hoàng Tông Bính Thân, Sa-môn Tuân Thức hội các khách cao thượng ở Tứ minh hơn một trăm vị hai tháng giữa Đông, giữa Xuân thì một ngày một đêm họp ở giảng đường Bảo Vân quán tưởng Vô lượng giác hạnh. Thời Hán ngục suốt năm Nhâm Dần đã bị phá bỏ ở. Đông Sơn Bồng nghĩ thành tựu việc cũ. Sự tích không kể ở đây. Bèn định các bậc Hiền đời Tấn làm thơ gởi đề khắc đá truyền lại đời sau.

Muôn cảm ngoài hình hài
 Nghiễm nhiên nhà trống vắng
 Lông trắng sáng nhiều màu

Thần tối nhờ nổi sáng.
 Tượng đẹp chẳng vốn dự
 Xem tục há thấy tốt
 Chặt bỏ hội nhập vì
 Đạo chơi tâm không vui
 Đá vàng muội thấy chân
 Chánh nghe ngu tám tiếng
 Huyền không chẳng nương giá
 Can thiệp đâu có gắng
 Sum la hiểu đều vắng
 Hư không tiêu khí độc
 Lành thay đạt quán này,
 Cục sĩ còn nói gì.
 Bao dung mà khúc chiếu
 Đẹp như bóng trong gương
 Xem kỹ không khiến tâm
 Luống cầu không trệ tưởng
 Theo mộng quên thử chung
 Thông kín rõ như đến
 Nhờ đây gặp dáng Thần
 Tiêu dao hẹn đến Tây
 Soi hết huyền tưởng cô
 Động tịnh như là khu
 Đại tượng nào hình nghi
 Đại phương gì rèm góc
 Chánh thường chẳng ngâm gồm
 Bước điếu không vòng vo
 Tâm lắng biết khắp biển
 Gạo tốt thân vàng ròng.

4. Từ biệt Lý bí thư ở chùa Thử hưng của Cư sĩ Thảo Đường Đỗ Tử Mỹ:

Chẳng thấy bí thư tâm như mất
 Thấy bí thư rồi liền mất tâm
 Sao vì động chủ lý tin rõ,
 Ta là độc giác thân sung thật
 Lại nghe kinh Quán nói Tây phương
 Thân già chùa cũ gió vì vu
 Vợ con đợi gạo lại ra đi

Ngày nọ gậy lê đến nghe pháp.

5. Ngồi bên bờ nước ở chùa Đông lâm của Cư sĩ Hương Sơn Bạch Cư Dị:

*Xưa là khách trong thành Đông dịch
Nay làm người ở xã Tây phương.
Tay nhàn dương chi ngồi bên nước
Nhớ nghĩ việc qua như thân trước.*

6. Điều Đại Sư Thiên Trúc Bảo Nguyệt của Cư Sĩ Đông Pha Tô Thức:

*Sinh tử cũng như đuổi cánh tay
Tình chung ta nhấp một chủa cay
Lạc thiên chẳng phải Bồng Lai khách
Nương nhờ Tây phương làm chủ nhân.*

7. Đêm trừ tịch (2) của Cư sĩ Hậu Sơn Trần Vô Dĩ:

*Bảy mươi đã hơn nữa
Việc làm được bao nhiêu
Mới hay tối gấp đến
Liền biết nhiều đời sau
Lánh đời nhiều phiền lụy
Nhiều năm phải làm ma
Về Tây nên dần bước
Chẳng sống mãi Ta-bà.*

Cư sĩ Hậu Sơn lại có ba bài thơ cũng có chí Tây phương. Nay tóm tắt một vài câu. Như bài gởi Tham Liêu thì nói: Bình sinh nguyện Tây phương, duyên với việc lấy bỏ, chỉ theo người ngoài đời, từ đâu mà quên năm. Bài gởi Lý học sĩ: “Vừa tìm đến cõi Đông, luận việc này có nhờ, Tây phương làm xe sau”: Bài giả biệt Thiên sư Viên Chứng nói: Bình sinh theo Tây phương, đến già còn mê nhân gian là có ý gì? Năm nào Phật gặp Đầu-đà biết đó là Lão cư sĩ năm ấy. Cư sĩ Hậu sơn là người làm thơ cận đại nổi tiếng nhất chuyên chú với Lạc bang. Như thế thì những kẻ phong tao đâu thể chỉ vì một chữ mà kéo hết mấy cộng râu mép ư?

8. Việc tốt ở Tiền Đường, gởi người đứng đầu Giang Ninh Mã Thị Lang của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức:

*Vãng tuế Tiền Đường việc tốt thay
Trong đó An dưỡng rất chí thành
Ao tâm sen nở như còn mãi
Nên hành Tây phương Phật ở trên.*

9. Đoạn Trúc Ngộ Lão trồng sen của Vô Vi Tử Dương Kiệt:

*Nghe nói Đông Lâm rừng suối đẹp
Hội xã xinh tươi nổi trăm năm
Lệnh vật gì bằng trúc họ Thôi
Ao vuông trồng mới sen Tuệ Viễn
Hoa nghiêm mau tịnh tam thiên giới,
Non Lô lại cảm mười tám hiền Đáng
cười Đào Tiềm lại trở về Bạch Vân
chim hót bạn về vườn.*

18. Lô sơn Bạch Liên xã của Sa-môn Ngự Khê Hoài Ngộ:

*Nhà Tấn lãng trì vua chép bày
Người tài dấu cũ bóng khuông sơn
Lâu phiến Đại Sĩ còn sáng mãi
Mười bảy cao hiền chọn ghế ngồi
Tài cao ai bảo rỗng trong chữ
Phản sử người kia nghĩ Tạ Công
Khói bay sương giọt ao ngọc vắng
Bóng sen nay tuyết gió thu lay.*

19. Tặng Di-đà Đạo giả (tức Dụ Di-đà) của Trúc Bí Các Hoàng Cáo:

*Tịnh Công ngày nọ gọi lương y
Nhất ngộ chân không liền hết nghi
Hiếu hạnh không nên quên cha mẹ
Tín tâm không còn nhớ vợ con
Lộc môn so Bàn Cư sĩ
Liên xã may gặp Pháp sư Viễn.
Lại thành quán Tây phương thanh tịnh
Bạch hào luôn hiện năm Tu-di.*

20. Thơ cận thể về mười sáu pháp quán của Sa-môn Xung Mặc:

1. Quán mặt trời.

*Năm nay hương lửa tác lòng sáng
Định vượt đường xa xôi mười muôn
Thường hướng về nơi mặt trời lặn
Ngưng tâm quán tưởng công phu thành
Linh đờn đầu riêng trị các khổ
Xương huyệt hãy nên hẹn năm thanh
Núi non trước mắt nào nước cũ
Trở về An dưỡng là thân kinh.*

2. Quán nước.

Nước lớn ngưng băng không bến bờ
Sáng trưng trong suốt khắp sông hồ
Trên không chẳng biết trời đất lớn
Ngoài tâm vốn không có mây mù
Tự hận đời này vào đạo muộn
Nhân vì các vọng lạc không tà
Giữa rừng chẳng bỏ quán cây chuối
Chỉ đợi thuyền sen mau đến nhà.

3. Quán đất.

Chỗ dung tâm hết chẳng đất đai
Đường nhỏ làm sao có đất to
Nhạc trời đầy không vang kinh Phạm
Phước vàng rủ đất ánh lưu ly
Không hề mắc mưu thần rồng sáng
Chẳng sợ trôi nổi gập bóng đời
Thử xem núi biển luôn còn mãi
Đâu bằng phút chốc về Liên Trì.

4. Quán cây.

Chớ dùng danh ngôn tìm ở ngoài
Biết cảnh giới trời rất cao sâu
Lớp lớp châu báu không vật khác
Mỗi tia sáng châu từ tâm ra
Vượt thoát chưa thành do thiếu tụng
Chứa công chẳng hề chán xô kim
Bạn vô sinh xã nên mời gọi
Cùng ta đồng tham ngộ tức thì.

5. Quán ao.

Nước chảy tám đức lạnh ngưng thân
Sen phát các sáng khiến lóa mắt
Trong hoa gương sóng truyền tuyệt âm
Chìm bên bờ báu bóng theo hình
Nhiều năm dấu sóng quên việc về
Ngày nay nhớ lại định ở ao
Nghỉ chút giường kia như mộng tưởng
Giác rồi tâm địa riêng hân hoan.

6. Quán chung.

Trời dục giàu vui mấy từng cao

So cát sông Hằng chẳng là nhiều
 Các tiên ẩn khuất vui lâu các
 Tuyên dương Tam bảo thối sinh tiêu
 Chẳng có cảnh nào chẳng phàm tưởng
 Trong ánh giải thoát chưa tự tại
 Nhìn chung ân cần sư tử rống
 Dã can sợ hãi phá tà yêu.

7. Tòa hoa.

Khấp biết nguyện xưa nhiều gò đồi
 Đất bằng mọc sen hợp tự nhiên
 Tòa báu vòi vọi khó sánh ví,
 Cờ báu vượt cao vừa tròn vuông
 Tưởng thành pháp pháp không dấu vết
 Tận mắt trần trần vốn hư không
 Kỳ nhất mảy may lạc lưới ma
 Ngay đây dứt hết việc đời này.

8. Quán tượng.

Chân cảnh rất cao mắt phàm tối
 Trước bày tượng quán nêu thường dung
 Phải biết tướng tốt từ đâu khởi
 Chỉ thẳng nguồn tâm có nẻo đường
 Tượng vàng sáng rực như trời lên
 Ánh sáng lông trắng mềm như nhung
 Lại chúng sinh, Phật trong gang tấc
 Bỗng phá bụi tối nghìn muôn lớp.

9. Chân thân.

Tám muôn tôn sùng toàn thể hiện
 Ánh sáng luôn chiếu cõi như bụi
 Sinh tử nhiều kiếp khó gặp gỡ
 Thức ngủ chí thành vẫn không quên
 Thể nguyện đục núi làm thắng nghiệp
 Làm đồng hồ nước theo ánh dương
 Phong lưu Liên xã nay ngàn năm
 Cũng còn tiếng tăm thơm rất thơm.

10. Quán Âm.

Ba mươi sáu lớp đầy cảm ứng
 Vớt hết chúng sinh thoát nổi trôi
 Mũ trời hóa Phật lưu dấu vết

Sa giới tùy cơ nói tiếng mâu
 Anh lạc đầy thân trắng lấp lánh
 Cành dương trong tay bày vàng ròng
 Đời ta nhiều bệnh thường quy ngưỡng
 Chuột uống nước biển chẳng biết sâu.

11. Thế Chí.

Mã có bình vàng hoa trăm ức
 Ni-mi báu lạ ánh xa cừ
 Trong ánh có cõi nghiêm thân tướng
 Gió động vạt áo ngọc leng keng
 Niệm Phật viên thông công trước có
 Nhiếp sinh phương tiện nghiệp trước bỏ
 Chân Từ sáng sạch không bờ mé,
 Cả ngày thần quang che lều tranh.

12. Quán khắp.

Quán Thánh vừa dung vọng hoặc nhẹ
 Trong khoảng chớp mắt đến bờ hoa
 Chín đài sen ẩn vượt phàm thế
 Trăm tia sáng báu chiếu huyễn thân
 Chim hát cây khua vang nhạc trời,
 Áo vàng sóng động hợp lời kinh
 Biết bao nhiêu kiếp linh đình khổ
 Rửa tai sáng nay thử lắng nghe.

13. Tập quán.

Sáu mươi muôn ức cao vòi vọi
 Dằng đặc phàm phu thấy gì đâu
 Áo báu thường tưởng là thô tướng
 Trần sát hình kia đáng lạ lùng
 Lời Thánh nêu bày khó bàn luận
 Thân Phật hơn kém nên biết trước
 Tư lương ngày ngày tưởng Tây phương
 Dè dặt chớ sinh tâm nghi lớn.

14. Ba phẩm Thượng.

Thoát được rình gai chứng thượng phẩm,
 Hoa Phân-đà-lợi nở trong lửa
 Thiền kia vắng lặng đã không sóng
 Gương tâm vốn sáng chẳng bụi trần
 Bỏ đây liền thành vô thượng nhãn

Mới dạo tranh nhau vượt quần tài
 Các Thánh đây không hoa sen nở,
 Đặc biệt là đài mâu Kim cương.

15. Ba phẩm Trung.

Tiểu giáo đâu thể tu Tịnh nghiệp
 Hồi tâm về đại mới nên biết
 Do kính các giới không tỳ vết
 Quả chứng tam minh dứt vọng si
 Tai nghe Pháp xuất gia lìa khổ
 Tâm giữ vô ngã là nền chắc
 Co duỗi cánh tay ra ba cõ
 Một đóa sen kia mọc ao báu.

16. Ba phẩm Hạ.

Bọn ngu làm ác đã thành quen.
 Từ xưa nào biết dấu trắng đen
 Đến khi sắp chết nghiệp ác hiện
 Mới hay rấn dữ bốn con tranh
 Nếu không sức thiện từ xưa có
 Đâu có công phu xưng danh mạnh
 Bỗng biết gió mát thổi lửa nghiệp
 Trong ánh lông trắng có mặt Phật
 Lô sơn Liên xã của Giám bạ Dụ Lương Năng
 Tuệ Viễn kết xã chuyên thanh tu
 Sáng mãi sấm tông cùng tuần du
 Ngàn xưa không khác tên tuổi cũ
 Sen trắng rơi rụng chẳng hơn thu
 Đời trước ta là thân Tỳ-kheo
 Nơi nơi núi mây có nhân xưa
 Ngày nào trần duyên đều sạch hẳn
 Vì người trong xã lo lửa hương.

21. Thứ vận Liên xã của Thích Hạp Lưu Thuận Tẩu:

Mua rượu để khích Đào Uyên đến
 Đóng cửa chẳng thả Tạ công ra
 Phong lưu xưa nay không người hiểu
 Nhà ngắm sen kia mấy độ thu.

22. Mười tám bậc Hiền của Lô sơn, của Đông Khê Thích Tổ

Khả:

Chẳng thể phò nhà Tấn đảo điện

*Bèn làm người Liên xã Tây phương
Há ý một thời việc ít có
Lại khiến Nguyên Lượng giữa hai mày.*

23. Thơ nhớ An dưỡng quê xưa của Pháp Sư Tra Am Hữu Nghiêm:
Tôi xem An dưỡng là cố hương bởi ngay nơi tâm này là Tịnh độ,
tuy nghĩ về đã lâu nhưng đời bước thật đáng buồn thay.

Nhân làm thơ này, xin người đọc chớ nên chê trách là lấy bỏ.

*1. Người rõ thân tâm chẳng gần xa
Tuy rằng bốn biển đều là nhà
Sao bằng quê cũ dạo cây ngọc
Hưởng được thông thương với xe báu
Tính ra nhiều năm chẳng trở về
Luận việc phàm tình không bến bờ
Không phiền cha mẹ tựa cửa đợi Đợi
gá thai vào chín phẩm sen.*

*2. Máy năm vạt áo lấm bụi trần
Chí khí cao xa khó tự bày
Nam nhận mấy tiếng mộng quê dật
Chiều đông gió thu lệ đầm đìa
Đây lại nếu chẳng nhớ trở về
Sau này cùng ai kết bạn lành
Xin xem bên đường chôn xương mục
Trong ấy phần nhiều người chưa về.*

*3. Tây phương chân tịnh vốn nhà ta
Nay nhớ đường về mười muôn xa.
Nẻo khách linh đình đều đã chốn
Phong trần cô khổ rất thở than
Bảy lớp hàng cây ngàn muôn nhạc
Nước ao tám đức bốn màu hoa Chớ
lạ gần đây mộng quê cũ
Làm sao vinh nhục việc không bờ.*

*4. Vô ý mà nay tóc như tuyết
Nhớ nhung mang nặng ánh trăng Tây
Trong mơ bổng nghĩ chim về tổ
Gian ngoài bổng sợ lá thu bay
Một thổi hương trầm một tiếng khánh*

Trông xa bỗng lệ vội vàng rơi.

Pháp sư Tra Am chuyên tu Tịnh nghiệp, tâm tha thiết kính mến thấy rõ ở thơ, há ý: “Mà nay tóc như tuyết, nhớ nhung mang nặng ánh trăng Tây.” Nếu chẳng phải là người biết sự nhiệm mầu thì đâu thấy được như thế. Song thơ này rất nhiều ở đây không chép hết. Riêng Bảo Phước Tuân Sư có. Đoàn Cảnh chỉ than rằng: Cá ít nước mà đường dài, sợ voi không có móc. Lại khiến người nói cho sướng miệng mà Thảo Am Lục đã ghi lầm.

24. Thơ nhớ Tây phương của Pháp sư Bắc Sơn Khả Mân:

1. Góc trời nhà hướng mặt trời lặn
 Ở giữa hàng cây cách khói mây
 Tuy đến được chỉ trong chốc lát
 Nhưng ba tầng-kỳ vẫn chẳng đến
 Lưới châu báu báu sáng mấy lớp
 Hoa sen bốn màu sắc xinh tươi
 Lúc về bạn lành đều ra đón
 Hân hỉ cách xa đã mấy năm.

2. Chỉ luôn ưa chán mãi hành trì
 Bốn tánh duy tâm há chẳng hay
 Ba cõi rồi bởi tình nhiễm nặng
 Bốn loài trôi dạt sức gây mòn
 Lòng lộng trắng kia vừa mới mọc
 Vàng võ mặt trời khi sắp lặn
 Mặt vàng lão thân luôn nhờ cậy
 Mau sửa soạn xe mà trở về.

3. Đã biết từ xưa có lỗi gì
 Đóng chặt cửa sài nhìn trời lặn
 Ngọn trúc nhẹ lay trăng mới mọc
 Rèm tre cuốn nửa mây xưa về
 Núi rừng khí vị đầy hoài bão
 Khói hương tòng bách thấm áo gai
 Bờ đoàn trên đá luôn tĩnh tọa
 Tấc lòng luôn gửi ráng chiều bay.

4. Tây chỉ hướng Tây lại hướng Tây
 Hướng Tây về Tây có chiêu đề

*Hoa sen tươi nở sáng không đêm
Đất trải lưu ly ngọc sạch bùn
Gió động Pháp âm rao tám vịnh
Ao tuôn nước đức hơn song khe
Qua đời sẽ được siêu sinh nhé
Chín phẩm sen vàng bước thẳng lên.*

Lại hai bài thơ năm chữ:

*1. Ta-bà côi kham nhẫn
Trẻ nhỏ thích dạo chơi
Gởi tưởng về trời lặn
Thương tâm đã bạc đầu
Sen xinh tươi ngàn đóa
Vàng vặc một vàng trắng
Chưa biết ngày nào đến
Khoảnh khắc ở lâu quỳnh,
Rẽ cành đều dứt đoạn
Ngàn hoa ai sánh bằng
Nở bày dưới chân Phật
Kỳ diệu vào kinh đề
Lá non trên nước vàng
Rẽ linh ngọc dưới đáy
Thề hẹn ngày hết duyên,
Bước bước đi về Tây.*

25. Gác Giác Hải Di-đà ở Hồ châu của Từ Bộ Trương Cảnh Tu:

*Đằm tiên bể giác đường hưng thiện
Tượng bày ngọc quý từ xưa nay
Cột điện nghiêng sách sấm rền lửa
Vượt cầu kia tượng gỗ Quán Âm
Trước song bóng trúc lay chim vàng
Gió thổi hương sen chìm đáy nước
Hướng có gác Di-đà mới lập
Động tâm người vãng sinh vô hạn.*

26. Tây Quy Hiên của Thiền sư La Nguyệt Đàm Oánh:

*Anh nói lạc quốc là nhà ta
Tự cười khách phiêu linh đường xa
Một điểm quy tâm mặt trời treo
Trăm năm việc huyễn gởi hoa đóm
Trống kia chẳng đánh kinh rèm cuốn*

*Mũi kia luôn thông, triện bị tà
Tướng chánh niệm thành không vật ngoài
Trước song hàng cây càng thêm xanh.*

27. Thơ nhớ Phật làm bên mái hiên (và lời tựa) của Thủ tọa Tuyết Khê Hy Nhan:

Từ xưa có câu: đời người trăm năm được bảy mươi tuổi là ít có. Tôi mười sáu tuổi xuất gia làm Tăng đến nay được bảy mươi tuổi ở đời chưa phải lâu. Sớm chiều luôn tụng kinh niệm Phật chỉ hận là chưa thật chuyên chú. Bèn mở kinh Thủ-lăng-nghiêm ở chương Thế Chí có câu: “Nếu người nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện tiền tương lai chắc chắn thấy P, sai viết bài “Nhớ Phật” dán ở mái hiên nhỏ, ngõ hầu lâm chung thấy hình dáng của Phật mà thôi. Lại làm bài kệ để một bên. Kệ rằng:

*1. Nhiều năm trốn chạy tóc như tơ
Nhớ Phật khó quên mười hai thời
Úc đột tự than là đãng tử
Mấy phen hoa nở cành bên đường.*

*2. Tự thương nhớ Phật ngày càng sâu
Trừ Phật không ai hiểu lòng ta
Đường nào muôn kim mà làm khách
Chẳng bằng cơm rau ở nhà ta.*

*3. Lặn hụp theo sóng nhanh vun vút
Chỉ chốc lát đã bảy mươi năm
Há chẳng hướng về mà nhớ Phật
Sắp già đi rồi thêm gắng công
Quét sạch ý địa cho vắng lặng
Rồi đốt tâm hoa rực sáng người
Quyết định thân này như đã thấy
Sạch bụi, lột xác cười ha ha.*

*4. Có bạn tuổi già lại đến tìm
Chỉ là chăm chăm nhớ tâm Phật
Mấy nén hương xuân giờ đã lạnh
Một khám đèn đêm chiếu qua song
Khoảnh ruộng mưa thừa hương thấm đượm
Gió lượn khe sâu phát tiếng mâu
Tự hận không về đành tự bỏ*

Đã về đâu cần hơn người ngâm.

5. *Kèo cột đã cũ chịu an bản
Chỗ tốt không bằng nhớ Phật chân
Muôn việc rõ biết còn rơi nổi
Trăm năm chỉ đây mà nghỉ ngơi
Sườn núi đêm lặng trái bồ-đoàn
Dưới thông một mình bưng chén xuân
Đóng cửa chẳng quên thường nhớ Phật
Nguyện thường như thế bóng theo hình.*

6. *Ngày thường rừng thông thấy Tổ sư
Lại như nhớ Phật vào lúc này
Chỉ hay ở yên trong hang sâu
Bụng chẳng đeo theo mây may nào
Đường tắt hoa rơi nổi khe nước
Song cửa nắng xế dưới cành thông
Vắng yên chân cảnh nào ai biết
Chỉ Phật thường hay vào mộng tưởng.*

7. *Sớm tìm Hán sử học làm văn
Tự nhủ còn sống luôn học rộng
Bỏ mất thời gian theo nước chảy
Suy tư rốt lại chỉ mây trôi
Trong nhàn tự biết sống ẩn thân
Chỗ tốt ai hay siêng nhớ Phật
Ngâm bỏ uống ăn nay ở đây
Cỏ xanh ba thước chỉ mồ hoang.*

8. *Tôi muốn đời này thấy Phật đến
Phật nay đối tôi đâu luống dối
Chỉ giữ nhất niệm tâm không mới
Chẳng chờ tam kỳ mà mắt mở
Yến tía oanh vàng hót ý màu
Khe xanh đá trắng bày đài báu
Nên biết hiện ra đường về nhà
Đường nào không người vì xoay lại.*

9. *Danh lợi dây lông cất oán cừ
 Vườn sơn tự so với loài sên
 Phù sinh rớt lại chỗ vô song
 Nhớ Phật phải biết liêu lạc nhất
 Mẹ con có thể ở cùng nhà
 Gió bụi đâu cần đến phương xa
 Đường trước chớ hỏi, nay bắt đầu
 Trang giấy, trải bỏ đoàn ngòi yên.*

28. Đọc truyện vãng sinh có xúc cảm của Pháp sư Vân Am Liễu Hồng:

*Sách ghi Phi Sơn
 Phương Kim ở Tây
 Hiền xưa trở về
 Sao chẳng nghĩ bằng
 Tóc bạc dễ già
 Lữ khách không nhà
 Ý chí trở về
 Nương đây chỉ mê.*

29. Thơ vịnh sử Tịnh độ của Cư sĩ Tây Hồ Lý Tế:

Cư sĩ đạo hiệu là Tây Quy tử, vốn là người ở Vũ Lâm, cư ngụ ở Đài Khê. Tiên tổ bốn đời thi đỗ, ăn ở thanh bạch. Hiểu rõ giáo pháp Tịnh độ. Thường làm các bài vịnh về sử và thơ khen ngợi các bậc thượng thiện Tịnh độ có hơn năm trăm bài. Bởi người ở Tịnh độ đúng lý mà tu thì đều nối hạnh nghiệp. Nếu sự tích ở bài dù thiện nhỏ cũng không bỏ sót, gọi là người vui đạo. Văn lưu truyền ở đời, này tóm tắt ghi lại, về Thánh sư có hai mươi lăm bài để giúp người thấy nghe.

1. Nối Phật hóa duyên.

*Như Lai hiện ướ cỡi Ta-bà
 Chiết nhiếp cương cường, phương tiện nhiều
 Cắt ngang sông ái không pháp khác
 Chỉ dạy chuyên chí niệm Di-đà
 Vô biên cõi nước đều thanh Tịnh
 Chỉ Phật Di-đà biển nguyện sâu
 Mười niệm công thành được dắt dẫn
 Chính như điểm sắt hóa vàng ròng.*

2. Thuật nói tác ý.

*Xưa qua nay lại đã nhiều kiếp
 Hai vàng nhật, nguyệt gấp như thoi*

*Tuần hoàn sáu đường không ngơi nghỉ
 Chẳng biết Tây quy thì thế nào
 Xưa nay anh hùng chỉ một huyết
 Hiền xưa còn có tâm phải quấy
 Nay ta kính đọc truyện vãng sinh
 Bất chước Chu Đàm làm sử thi.*

3. Bồ-tát Văn-thù.

*Cúi lạy Mạn-thù Đại Thánh sư
 Bàn sâu niệm Phật dất các cơ
 Bèn khiến pháp chiếu truyền giáo này
 Năm hội trong cung đạo càng sáng.*

4. Bồ-tát Phổ Hiền.

*Khắp dạy mọi người mười nguyện vương
 Chỉ quy An dưỡng lý sáng trưng
 Xưa nay từ giác Liên Hoa xã
 Thường dùng hồng danh khuyến mọi người.*

5. Bồ-tát Phổ Tuệ.

*Trong hội Vi Giang họp các hiền
 Đại sĩ anh em đều tham dự
 Cốt để tuyên dương chân Phật hóa,
 Chỉ ứng bi nguyện rộng vô biên.*

6. Bồ-tát Thiên Thân.

*Duy Thức Luận sư có nói kệ
 Di-đà lạc quốc nguyện vãng sinh
 Chỉ do quả báo không các khổ
 Các Thánh về tông hành hóa đạo.*

7. Bồ-tát Mã Minh.

*Soạn luận thông tông trăm lạc-xoa
 Đẹp tà bày chánh nhiếp các ma
 Dạy người chẳng lui có thuật lạ
 Chỉ dạy chuyên tâm niệm Phật-đà.*

8. Bồ-tát Long Thọ.

*Khuông phò tượng vận làm huân dung
 Nói kệ Bà-sa trong Đại luận
 Nguyện cùng chúng sinh sinh nước ấy
 Khắp khiến phàm phu thoát buộc ràng.*

9. Bồ-tát Ngũ Thông.

Người Ta-bà chưa biết Di-đà

*Lên thẳng Tây phương mà thỉnh cầu
Phật và Bồ-tát đồng thời hiện
Bèn đem lá báu khắp vẽ hình.*

10. Pháp sư Lô sơn Tuệ Viễn.

*Liên xã bày ra dẫn người sau
Hợp với đạo tục cùng quy ngưỡng
Mười năm ba lần thấy Phật hiện
Chắc chắn đài vàng sinh thượng thượng.*

11. Đại Thiên sư Nam Nhạc Tuệ Tư

*Mộng thấy Di-đà nói pháp nghe,
Không trung tượng báu hiển thần linh
Thiên đồng hầu hạ bình thường đây
Bỏ thức thân được Thánh chúng rước.*

12. Đại sư Thiên Thai Trí Giả.

*Xưa cùng Nam Nhạc thấy ánh sáng,
Vừa tụng Pháp Hoa ngộ Được Vương
Luận giải mười nghi truyền vạn đại
Đọc kinh hướng lại bày Tây phương.*

13. Pháp sư Bích Cốc Thần Loan

*Lưu-chi chỉ thẳng Phật sống lâu
Đốt bỏ đào tiên mười quyển kinh
Long Thọ hiện hình căn dặn kỹ
Khi mất đều nghe tiếng đờn sáo.*

14. Hòa thượng Thiện Đạo ở kinh đô.

*Vẽ ba trăm bích hoạ Tịnh độ
Viết mười vạn quyển kinh Di-đà
Sang hèn chẳng luận đều khuyên dạy
Lại lên cây liễu mà cầu sinh.*

15. Pháp sư Tân Định Thiệu Khang

*Sách Lạc Dương nhiều lần phóng quang
Hành hóa Tân Định ở phương xa
Mở miệng niệm Phật, Phật bay ra
Lại được trẻ con ủng hộ theo.*

16. Thiên sư Ngũ Đài Pháp Chiếu.

*Thường thấy ba Thánh hiện hư không
Tạ ân Văn-thù chỉ bày công
Cảm được thân tăng đến dự báo
Ba năm ông sẽ sinh hoa báu.*

17. Thiền sư Vĩnh Minh Trí giác.
*Bảy lần rút nhằm thăm Tịnh độ
 Suốt đời chẳng bỏ việc tinh tu
 Thần nương An dưỡng nhân thành phú
 Lại được từ dung treo địa ngục.*
8. Pháp sư Lô Sơn Trung Dung
*Thông kinh mười số luận nghiêng sông
 Tuyệt bút Di-đà tịnh nghiệp thành
 Hủ gổm trong mộ thân huyễn chất
 Chiếu sáng rực rỡ quyết sinh Tây.*
19. Pháp sư Tứ Minh Pháp Trí
*Mười tăng cùng hẹn sáu ba năm
 Sáu xong thiêu thân nguyện vãng sinh
 Tuy rằng, Từ Vân thỉnh trụ thế,
 Rốt tu Tam-muội để về Tây.*
20. Thiên Trúc Từ Vân sáu chủ.
*Ban-chu Tam-muội chín tuần tu
 Đại, tiểu Di-đà sáu để lại
 Sao rụng hương tan chợt về Tây
 Khoảng không ngàn năm trọng đạo tốt.*
21. Thiền sư Trường Lô Từ giác.
*Phát minh năm hoặc soạn cao văn
 Cần khiến người mê biết tịnh nhân
 Cảm được Phổ Hiền và Phổ Tuệ
 Hoa sen bạn tốt về Tây nhanh.*
22. Luật sư Linh Chi Đại Trí.
*Đạo nối Nam Sơn mở Luật tông
 Chí lớn lạc độ quyết về Tây
 Lâm chung kiết già nói kệ, hóa
 Trên hồ đều nghe tiếng nhạc trời.*
23. Pháp sư Nam Chiêu Khánh Thường.
*Khách Xã Tây Hồ ngàn người họp
 Sáng cả Lô sơn ai sánh tày
 Phải biết việc đặc biệt năm ấy
 Xin xem bia khắc đều bậc Hiền.*

Họa bài Quy khứ lai hề của Đào Uyên Minh, của quan Cấp sự
 Phùng Cơ.

Quan Cấp sự ở đất Thục, người Ninh phủ, đạo hiệu là Bất Động

cư sĩ. Thuở nhỏ đã nổi tiếng, đỗ đầu đại học, soạn các bài văn trường ốc. Phần nhiều dùng lời trong kinh Viên Giác, minh ngộ lý tánh, các sĩ luận khâm phục. Lại tham vấn khắp các thiền lâm, thấu suốt tông phái năm nhà. Về già dốc Tu-di-đà giáo, sớm tối chẳng ngủ, chuyên ý Tịnh nghiệp. Ông có làm lễ Tây phương ba quyển, Di-đà Sám một tập. Ở Hương quận có lập hội Tịnh độ, cảm được Xá-lợi trong lò hương ứng hiện hào quang khắp trời từng lấy bổng lộc giúp tạo Đại Tạng kinh và bốn Đại bộ Tạng mỗi thứ đều có bốn mươi tám phần để cúng thí các chùa biểu thị cho thế nguyện Phật. Một hôm, cảm hoài bèn họa bài Quy Khứ Lai của Uyên Minh để nói về pháp môn Tịnh độ. Lời từ rằng: Về đi thôi! Liên xã đã mở, sao không về. Nhớ ta năm nào đã già yếu, hưởng là thế thái rất đáng buồn! Buồn nghĩ di tích Đông Lâm, nhớ các Tiên Hiền. Hưởng về đời này mà sám hối. Sáu mươi năm trước chẳng như đàn mới rửa, giặt mũ mặc áo mới, rửa sạch trần cấu để được thanh tịnh, tạo đạo mâu để thoát ly. Ngắm kỹ đường trước mà quy tâm. Hảy mau vào nhà từ bi, lên cửa giải thoát. Muôn cảnh đều vắng, nhất chân riêng còn. Lò hương đầy rót đầy chén nước sạch. Hưởng về Tây phương tu quán, cầu mong mau thấy từ nhan, vào Tam-muội niệm Phật, biết thân tâm nhẹ nhàng. Sinh về phẩm thượng của chín sen, mở cửa tối, vượt sáu đường. Hội tinh thần ở chánh thọ, đóng tai mắt không nhìn bất chánh. Đợi báo thân này mất chỉ Cực lạc mà về nhanh, quanh cây báu mà kinh hành, dạo vườn hoa mà trở về. Về đi thôi, chỉ Tịnh độ mới nên đến, nghĩ Diêm-phù vẫn đục. Bỏ cõi này mà cầu chi. Mừng được sống lâu vô lượng, không hề khổ vì bào thai. Cùng các bậc thượng thiện gặp gỡ, cùng Bồ xứ làm bạn thân. Ao kia đủ bả báu, vàng ròng làm thuyền. Đất lưu ly bằng phẳng, không gò hầm cao thấp. Âm nhạc gió lay cây, tiếng Phật dòng nước chảy. Người nghe vui cảm, niệm Phật Pháp Tăng, trần duyên tự dứt hết.

Ôi đời người như mộng, nào có bao lâu. Sao vì bả danh lợi mà lưu lại báo này. Hảy xem hết phù thế đều là huyễn cảnh. Còn cõi Cực lạc kia mới thật đẹp. Sen trồng trong ao, luôn niệm Phật để nuôi lớn. Mong khi qua đời được Phật rước, già biệt để lại thơ. Từ đây địa địa tăng tiến, quyết chứng Bồ-đề, còn có nghi gì?

Làm theo bài Quy Khứ Lai của Uyên Minh của Cư sĩ Huyền Trụ Nhậm Bư.

Về đi thôi! Tịnh độ Tây phương thế nường về. Đã thoát khỏi cõi năm trước sinh tử, cũng nường nhờ ba Thánh Từ bi. Than ôi, đời người là huyễn hóa, qua nhanh khó theo. Biết duyên đời như giấc mộng đêm

qua, thương việc đã qua đều luống dối. Đến già mới học đạo, khác nào lúc lạnh lắm mới may áo ấm. Hồi lúc thanh xuân nhiều bông lung, lắm nghiệp trắng mà kém thiếu. Mê mãi dài dẫu trong ba đường khổ thì ước kiếp mê, làm sao được giải thoát. Có đại pháp môn mà nghi thì ắt xa. Người tin đây thì còn tin gì ở ai. Đức Di-đà Thế Tôn bày sợi lông trắng mầu ngọc, hiện dung nhan vàng ròng che khắp đại chúng đến nương, hiển sáng núi vàng ấy là giới thì phải bền giữ ba nhóm, trai thì siêng tu tám quan. Lại thêm niệm Phật để tinh tiến, lạy nhiều mà quán kỹ, may mắn được thân người mà không được thế, cũng giống như đến đảo châu báu mà về tay không. Dầu Thánh phàm có siêu tuyệt cũng dụ như trăng nước có khó gì.

Về đi thôi. Tịnh độ Tây phương nhiều cảnh đẹp. Hàng cây lưới báu phát tiếng mầu, cơm thuần-đà áo trời chẳng cần cầu, chỉ hưởng các điều vui, dứt hẳn các điều khổ. Di-đà Thế Tôn phát bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh, trăm ngàn Tam-muội mau huân tu. Ở biển thệ lớn nương thuyền đại nguyện, không bị ma Ba-tuần oán hại. Chỉ có Thanh văn Tỳ-kheo nghe các chim biến hóa nói tiếng pháp mà truyền bá. Quán Âm, Thế Chí sức bền bỉ dắt dẫn người tu không ngơi nghỉ. Than ôi, chúng sinh mặt pháp nhiều tặc ác, cảnh giới khổ nào kia há ở lâu. Hãy về đi thôi! Đâu-suất còn bị đọa, Long Hoa chưa hẹn ngày. Chỉ có cõi nước Cực lạc công đức trang nghiêm như thế, hoa sen mầu sáng nở chín phẩm, thanh tịnh hải chúng đợi từ lâu. Chỉ cần tín tâm không lui sụt thì chắc chắn vắng sinh, không có gì đáng nghi.

Truy họa theo bài Quy khứ lai từ của Uyên Minh (và lời tựa) của Chuyết Am Tông sư Giới Độ.

Chuyết Am Dã Phu bị bệnh trong rừng. Một hôm, đọc bài từ Quy Khứ Lai Hề của Đào Uyên Minh bỗng ném sách mà than dài. Bởi ta có thể ôm nỗi lòng qua đời khác. Uyên Minh là một kẻ tục bị nghèo hèn ép bức mà còn chê năm đấu gạo chẳng chịu mọp lưng. Nơi quê nhà sống với lũ trẻ con mà từ bỏ chức tước, làm Lạc Phú để quay về. Hướng bọn ta là con nhà Phật vì giải thoát mà cầu xuất gia lại rong ruổi trong cõi trần mà chẳng biết ngừng bỏ. Thật hổ thẹn với Uyên Minh. Tôi một lòng lấy An dưỡng làm quê cũ, muốn viết nên hoài bão thấp hèn để tự khuyên gắng. Bèn họa theo, người xem chớ cười là kẻ bắt chước nhảm mà thấy giống, cũng để nói lên chí mình. Ngày rằm, tháng cuối thu, năm Đinh Dậu. Viết lời từ rằng:

Về đi thôi! Quay đầu quê cũ ngày nào về. Biết lạnh đến thì nóng đi, nhọc mộng mơ mà ngậm buồn tiếc, bỗng tình cờ gặp mà từ biệt, nay

hối hận là chẳng nhớ gì. Nhìn bạn lành ở ao sen thật thẹn mà chẳng biết ai. Than ôi, mấy đời phiêu bạt mất hạt châu cài vạt áo. Lại nghĩ sâu mà tỉnh ngộ mạnh mẽ, sao tiết tháo quá yếu hèn, muốn về liền về, một chí về Tây, sống mãi không chết là cửa các điều nhiệm mầu. Chỉ tâm vốn đủ, chân tánh thường còn. Bỏ quên Chu Đỉnh, lại nhận chung rượu, không chịu tước ban. Ở nhà đẹp bỗng rơi lệ, đối từ thân cảm thấy các khổ ép ngặt sẽ bỏ chỗ nguy hiểm mà đến chỗ yên vui. Tuy không đến mà chẳng biết làm sao. Khách lỡ đường nương vào mười sáu cảnh mầu, vào Chánh Thọ quán xa, bỗng toàn tâm phát hiện, mừng châu về hiệp phố, trộn uế tịnh ở cõi bụi, tùy bước mà bàng hoàng. Về đi thôi, dứt hết các duyên ngoài, lại nép mình mà hoại phục (mặc áo nhà tu). Chí cầu giải thoát, sao chỉ bo bo theo vật, điềm nhiên mà chẳng lo mất của báu trong nhà. Vất bỏ ruộng vườn của Tổ phụ mà chịu đói khát, muốn cứu vớt kẻ chìm thuyền phải lội vào dòng tục. Nếu như thế thì bảo đầu Tỳ-kheo nghe nghĩa mà chẳng đời. Bởi tìm nguồn mà chặn dòng. Xét muôn duyên vắng lặng thì sáu dụng nghỉ ngơi. Than ôi, đời người biến hóa theo bốn mùa. Chân trời, nhật nguyệt chẳng dừng lâu, từ đó mà tính việc yên thân. Có sinh phải có tử, trăm năm có ai hẹn. Ruộng đất phải cày bừa, cỏ Ái phải nhổ sạch, kết Tịnh Xã ở Lô sơn, ngâm thơ mới của Tra Am. Hưởng tâm tưởng về nơi mặt trời lặn, vỡ cánh hóa thân, không còn nghi ngờ gì.

Khen Tịnh độ Ngự Gia Ngạo (và lời tựa) của Pháp sư Khả Mân ở Bắc Sơn.

Ngự phụ nhà tôi luôn chẳng rời thân một trượng sáu có ba mươi hai tướng đẹp nói là thông minh. Khổng Tử Trọng Ni đâu dám sánh vai luận đạo đức.

Lý Bá Dương phải rúc đầu dứt thiên võ lược mà một mình đánh tan tám vạn bốn ngàn ma là bậc tài ba, luận thắng cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo đem thân thể ngồi bên nước, đoạn ái hà, khoác áo nhẵn nhục ngăn mưa khói vô minh, treo buồm Từ bi, thổi gió phương tiện, chống đỡ thuyền Bát-nhã, đạo thuyền trong biển khổ sinh tử, thể núi trắng sáng, biển giác gió thanh mà câu vớt chúng sinh chìm sâu, cho ở trong lòng Niết-bàn. Chỉ thú như thế tức là bình sinh tạm dứt cần câu. Bèn để thơ rằng:

*Nhà cửa thường vắng vốn ưu du
Đến đầu biển khổ cầm cần câu
Đợi khi chúng sinh vào tay hết
Bấy giờ mới bỏ hẳn cần câu*

Từng giảng Di-đà mười lượt
 Lô Sơn số sao ra nhiều quyển
 Nghĩa lý viên dung văn nghĩa sáng
 Phương tiên nhiều
 Đáo đầu chỉ khuyên sinh hoa sen
 Bản tánh Di-đà tùy thể hiện
 Duy tâm Tịnh độ nào có xa
 Mười vạn đường xa từ sự thấy,
 Thôi phân biệt
 Qua đời chỉ tự chuyển đổi mình.

1. Giữa sen bốn mùa xen màu lục
 Mỗi hoa sen một Phật Di-đà
 Chớ nghi Tịnh độ đường đi xa
 Ngày ngày đời người nhiều mưa rơi
 Phật ta hoa sen tùy bước đến
 Vàng ròng tướng đẹp búi tóc xanh
 Nhân địa có phát thệ nguyện lớn
 Bốn mươi tám nguyện
 Chúng sinh độ hết thành Bồ-đề
 Cung điện hợp bóng cùng hương hoa
 Thêm báu ba đường lưu ly rộng
 Nước chim cây rừng đều niệm pháp
 Tiếng rầm rì
 Không trung hoa trời rơi như mưa.

2. Hàng cây rợp bóng bày bảy lớp
 Hoa báu lười châu ngọc leng keng
 Trăm ngàn thứ nhạc cùng trỗi lên
 Trời mưa Mạn-đà khắp hư không
 Cõi ấy vì sao tên Cực lạc
 Hoa sen chín phẩm không ba ác
 Tuy có Tần-già và hạc trắng,
 Chẳng sáng bày
 Như Lai biến hóa để tuyên lưu
 Chín phẩm một đời lìa năm trược
 Tự nhiên thân đeo chuỗi ngọc báu
 Lông trắng mềm mại ở trên trán

*Chiếu sáng rực
Trăm ngàn nghiệp chướng đều tiêu tan.*

*3. Các Phật sáu phương đều khen ngợi
Tướng lười tam thiên rộng khen bày
Trên ao thác sinh sen chín phẩm
Chưa biết sinh về ở cảnh nào
Phật khen Tây phương kinh hiện tại
Rộng dài tướng lười cõi tam thiên
Cốt yếu chúng sinh sinh tín hiểu
Lâm chung xa
Chẳng tu Tịnh nghiệp còn đợi gì
Ao bằng bảy báu sóng lặn tăn
Hoa sen từng đóa như bánh xe
Trong hoa thác sinh chân tự tại
Chia ba bậc A-bệ-bạt trí không lui sụt.*

*4. Chỉ được trong hoa mà hóa sinh
Theo giáo trái kiếp hoa chưa nở
Trong hoa vui sướng như Đào lợi
Chẳng so thai mẹ ở nhân gian
Anh võ, Tần-già biết mấy con
Âm thanh hoa nhã hót sớm chiều
Giảng nói năm căn và năm lục
Khiến người nhớ
Tâm bay hận thân không mọc cánh
Từ đó Tây phương mười muôn ức
Nước xa núi cao ai hay biết
Chỉ là quán môn thẳng đường về
Thật dứt hết
Ngồi lắng kiếp nước ngọc lưu ly.*

*5. Ngồi sững mới tu quán nước thành
Gió nhẹ chẳng động sóng xanh yên
Cảnh giới kín sâu ai người thấy
Một mảnh lưu ly chiếu sáng mắt
Lạc bang thanh tịnh quê cũ ta
Ta-bà trôi dạt do tham ái*

Dàn dà nghĩ về sương thấm tóc,
 Hận sai lầm, Tắc Hồng không hiểu tin truyền âm
 Mặt trời lặn rồi cát ẩn ẩn
 Hướng Tây trông vời nên về gần
 Lúc đó nhạc trời liền dứt dần,
 Phải tinh tấn, trên đài vàng tím ai vô phần.

6. Lạc Bang thanh tịnh vốn nhà ta
 Đã có hẹn về há lo xa
 Định hội tu cần nên cố gắng
 An nhiên không nghĩ ngại mé trời xa
 Lý tánh xưa nay luôn tự tại
 Linh thông soi chiếu sáng vô ngại
 Vì bị gió vô minh não hại
 Biển chân như
 Hiu hiu thổi động sóng ngàn sâu
 Năm uẩn đầu non mây mù mịt
 Ngăn trắng trong tâm chẳng chiếu sáng
 Sáu giác hội nhau biết sửa đổi,
 Trừ tham ái, Sát-na thoát khỏi cõi Ta-bà.

7. Đông vầy Phàm Thánh đi cùng đường
 Một điểm linh minh thể như một
 Chỉ vì vọng tình chuyển theo vật
 Đến nay điên đảo chưa trở về
 Vì chán Ta-bà cầu Tịnh độ
 Theo tình đón tưởng suốt sớm chiều
 Ai tin chẳng nhọc dời một bước
 Về Tây phương
 Lâu đài ẩn hiện trong mây xa
 Lưới châu mưa rơi các hoa sáng
 Cát vàng trải đất không bụi đất
 Chợt chẳng dạy người nghĩ đường về
 Tâm chuyên chú
 Ngồi quán trời lặn như trống treo.

8. Gió mát vì ta khởi vắng lặng
 Chẳng chịu mây tàn che góc nhà

Sống thiền sâu che chắn không người
 Ngồi xem vầng mặt trời đang lặn
 Bốn tướng tranh nhau sinh bệnh chết
 Ma chết không hện khó giữ được
 Tranh nhau sớm tối trì Phật hiệu
 Tây phương đẹp
 Cây rừng chim nước niệm Tam bảo
 Mài mòn các thứ râu tóc bạc
 Lạc bang nên về sớm lo toan
 Muôn ức cõi nước đường không xa
 Dứt phiền não
 Chỉ một khoảnh khắc liền đến nơi.

9. Kinh khen Di-đà nguyện lực mạnh
 Dụ như người kém theo Chuyển luân
 Một ngày đi khắp bốn thiên hạ
 Về Tây đường xá chẳng hề xa
 Người đời tội oán biết bao nhiêu
 Đường trước chẳng phải không minh phủ
 Tranh nhau mà đốt một nén hương
 Không đi đứng
 Từng câu xưng niệm cha Di-đà
 Tội nghiệp tiêu hết có chỗ sinh
 Di-đà nguyện lực đáng nương nhờ
 Mười niệm nhất tâm luôn sáng tối
 Đường Tây phương
 Công thành chân bước đến sen hồng.

10. Ai biết ngồi thẳng mà lại đi
 Khoảnh khắc tâm bay đến lầu ngọc
 Bóng trúc ánh trăng đời đến ngõ
 Liền ngõ hàng cây ở đầu rèm
 Muôn việc rốt lại đều vô ích
 Nghĩ sâu chỉ phải nên tu hành
 Nếu đưa tâm này dạo đất báu
 Rất dễ dàng
 Ngồi quán mặt trời lặn hướng Tây
 Muôn tia sáng hồng thu vào mắt

Mở mắt nhắm mắt thấy rõ ràng
 Quán này khi thành biết pháp vị
 Tâm vui mừng, khi chết chắc chắn sinh trong sen.

11. Chín phẩm hoa sen thứ lớp bày
 Sen kia lá xanh cùng chen chúc
 Chẳng biết ngày nào sinh cõi sen
 Ngại gì ngày đêm luôn đeo mang
 Lạc bang trời Tây mây ngăn cách
 Một vầng trăng trong chiếu sáng ngời
 Ý muốn vãng sinh luôn khuyến gắng
 Nhọc hồn phách
 Di-đà một niệm tiếng trăm ngàn
 Điện vàng lâu ngọc là nhà cửa
 Bảy lớp hàng cây hơn tòng bách
 Gá sinh trong hoa không mạch máu
 Rất cao xa
 Nhạc trời chẳng phải khách bỗng lai.

12. Khấp xem trọc ngọc và hộp ngọc
 Nhọc lời khuyến gắng thoát phàm trần
 Tịnh độ khéo tu lại chẳng chịu
 Trong kinh nói nhiều về cõi Tịnh
 Xích châu mã não để trang sức
 Chúng sinh cõi ấy đang hiển sắc
 Nâng vạt áo
 Hoa đẹp cúng dường Phật phương khác
 Trẻ con ham dạo chơi ngụp lặn
 Ta-bà là khổ sao không răn
 Ưa chán từ lâu mới có sức
 Theo sớm tối, lặn đốt nén hương khói ngưng đọng.

13. Đã có thân tâm cầu Tịnh độ
 Hãy bỏ đường lối đến Ta-bà
 Tu hành cũng chỉ không nhiều kẻ
 Mười niệm công thành một sát-na
 Văn chương thi phú không chỗ dùng
 Và xem danh lợi chỉ như mộng

Một râu chuối kia thường trong tay
 Đẹp ngàn thứ
 Chỉ nghe niệm Phật tâm mạnh mẽ
 Diu dặt trên không nhạc gió đưa
 Dịch tiêu sáo trúc gió vắng đưa
 Đất dẫn phàm phu lên các chúng
 Mây hương dâng
 Nam nhi ngày này mới kính trọng.

14. Xem khắp kinh văn và luật nghi
 Khấp nơi chỉ khuyên niệm Di-đà
 Một câu tiêu hết nghiệp ngàn đời
 Hướng là nối nhau luôn trì tụng
 Dứt hẳn tâm vượn và ý ngựa
 Nắm chặt đầu dây luôn giữ niệm
 Nói phá mười nghi do Trí Giả
 Chép mà truyền
 Lô sơn lại kết Xã Liên Hoa
 Mười tám Đại hiền cùng nhóm họp
 Công thành mây năm màu về Tây
 Các bậc Thượng thiện đều ở đó
 Cùng đón chào
 Dụm đầu chỉ nói chuyện vô sinh.

15. Bên ao hàng cây không che khuất
 Cong cong cầu vàng lộ nửa bên
 Chợt thấy hóa sinh làm con Phật
 Ở trong sen hồng ngời kiết già
 Ba mươi sáu thứ gồm một đũa
 Túi nhỏ hôi hám đầy tham ái
 Khác nào bọ hung đầy hòn phân
 Không dừng đợi
 Sớm sớm ở trần luôn cố gắng
 Lại phải bền tâm mà sám hối
 Sao bắt ác nghịch và đao phủ
 Một niệm tiêu trừ tội ngàn kiếp
 Sinh trong hoa
 Đầy thân chuối ngọc kêu leng keng.

16. Lãng xãng tình đời như hoa đốm
 Ngoài giảng giải, không còn gì nữa
 Một xâu chuỗi kia luôn lần hạt
 Phật A-di-đà là kẻ thù
 Một điểm thân hồn mới gá phách
 Trong hoa sen xanh nhà lưu ly
 Hào tướng pháp âm không đứt quăng
 Tuy sáng rõ
 Đáo đầu chẳng giống khách đài vàng
 Chín phẩm cao thấp tùy báo được
 Hoặc trái mấy kiếp hoa mới nở
 Nếu ta sinh tâm tánh chật hẹp
 Phải gấp bỏ
 Hoa sen chưa nở hãy mở ra.

17. Đọt cúc gừng non một bữa cơm
 Ngoài ra nào dám phí công phu
 Từ nay mười ngón không rảnh rỗi
 Hết cả cuộc đời mà lần chuỗi
 Tịnh độ quê xưa bỗng từ biệt
 Góc trời trôi giạt mãi đến nay
 Tuổi già mày râu cũng nhuộm bạc
 Nghĩ trở về
 Nghe tiếng nguyện gọi trăng trời xa
 Luôn luôn nghĩ lo tu tịnh nghiệp
 Khi chết chắc chắn Phật đến rước
 Có thể tiêu biểu lời nói thật
 Lưỡi rộng dài
 Tam thiên che khắp lá sen hồng.

18. Chỉ tụng, đốt hương làm việc thường
 Đêm đêm đọc tụng một hai canh
 Chiếc bóng tự thương ngoài trần thế
 Dưới trăng gió nhẹ đi kinh hành
 Thiện Đạo thử than nay đã qua
 Dạy cho già trẻ đều về nhà
 Niệm Phật một câu cho một tiền
 Tiếng mới vang

Một câu một Phật trên hư không
 Tám mươi bốn ngàn tướng nhiệm màu
 Ánh sáng, tuổi thọ đều vô lượng
 Rũ tay màu vàng ngàn muôn trượng
 Tay ngỗng chúa
 Thệ đến đón trước về An dưỡng.

19. Sáng gà chiều trống luôn thúc giục
 Rút rè dung mạo biến suy đồi
 Chớ bảo tóc bạc là rảnh việc
 Rớt lại vô thường đưa tin mời
 Cõi Tây dật thành cõi Đông hoại
 Sao bay một điểm ngàn cõi đẹp
 Chớ ngờ thần hồn sinh quái lạ
 Không ngăn ngại
 Lạc bang chỉ ở trong Đồng cư
 Ao tám đức sâu, hoa lại lớn
 Ngồi kiết già thẳng trên hoa sen
 Tai nghe tiếng pháp tâm giải ngộ
 Cúi đầu lạy
 Từ nay thoát hẳn ngoài bào thai.

Khen Tây phương ngữ gia ngạ của Thiền sư Tây Dư Pháp

Đoan:

Trong ao bảy báu mà thả câu
 Nước tám công đức khói sóng xa
 Đáy ao cát vàng trải khắp chốn
 Đi nhiều quanh
 Vàng ròng lót đất làm đường đi
 Hạc trắng, chim công, anh võ hót
 Di-đà tiếp dẫn lời khuyên
 Chẳng phải tu hành sao đến được
 Một loại tốt
 Tây phương Tịnh độ không phiền não.

Bài hát theo điệu vọng Giang nam (12 bài) của Pháp sư Bạch Vân
 Tịnh Viên.

a. Ta-bà khổ:

1. Ta-bà khổ, nhiều kiếp chịu luân hồi

Chẳng dứt nhân khổ lia nhà lửa
 Chỉ theo nghiệp báo vào bào thai
 Bội bạc Đài linh này
 Sáng lại chiều, lạnh nóng thối thúi
 Một thân huyễn này được mấy ngày
 Trăm mối khéo léo áo đầy bụi
 Đâu được xuất đầu ra!

2. Ta-bà khổ, thân thể một cánh bèo
 Trong mắt muỗi ong tranh lợi nhỏ
 Trên sừng ốc sên nghĩ hút danh
 Một điểm khí khó bằng
 Ngày đầy nhân ngã đêm dài vô minh
 Địa ngục tranh nhau nhào đầu vào
 Tây phương không ai chịu tu hành
 Chết uống lại sống uống.

3. Ta-bà khổ, tình niệm chợt như gió
 Sáu giặc trong làng chẳng tạm yên
 Bốn rắn trong tháp tranh nhau mổ
 Ai là người chủ nhà
 Không có tuệ lực, lưới ái đổi thành lông
 Một hương bốn góc tháp dưới đất
 Chẳng nghĩ hai chân muốn tiêu không
 Đường trước càng phải gấp!

4. Ta-bà khổ, sinh già bệnh vô thường
 Chín lỗ tanh hôi chảy nước dơ
 Một bao máu mũi là dẫy da
 Tranh yếu lại tranh mạnh
 Theo vọng tưởng, đắm dục lại hoang đường
 Niệm Phật xem kinh bảo chấp tướng
 Hủy giới phá trai không đề phòng
 Chỉ sợ có Diêm vương.

5. Ta-bà khổ, suốt ngày theo trần hoàn
 Chẳng biết ngày tháng theo nước trôi
 Sao kham tóc bạc đổi má hồng

Sáu đường thường trôi lặn
 Xưa và nay ai chịu chết trước nhàn
 Lợi danh nguy ách vừa vào tay
 Hư hoa tài sắc liền vinh theo
 Vinh nhục mảnh thời gian.

6. Ta-bà khổ, thời gian như nước trôi
 Vinh nhục buồn sợ ngày nào dứt
 Phải quấy nhân ngã lúc nào thôi
 Đường sinh tử mênh mông
 Mặt nước ba cội nổi một bọt
 Giả sử anh hùng công trùm đời
 Chỉ để xương trắng trên gò hoang
 Sao bằng sớm quay đầu.

b. Tây phương vui:

1. Tây phương vui, tùy niệm liền vượt lên
 Một điểm linh quang theo mặt trời lặn
 Muôn mối việc đời giao mây nổi
 Người đời tự lãng xăng
 Chỗ ngưng trông, quyết định nương thân
 Đất vàng kinh hành bước trong sáng
 Lâu ngọc ngồi yên thân trong định
 Mới ham được thiên chân.

2. Tây phương vui, cây ngọc vượt lên cao
 Che khắp bảy lớp lưới châu báu
 Trang nghiêm trăm ức cung hoa đẹp
 Trong cung các thiên đồng
 Đất vàng lan can rào lớp lớp
 Hoa mưa phơi phới hương tản mạn
 Âm nhạc dịu dặt trống xa đưa
 Người nghe vui vô cùng.

3. Tây phương vui, bảy báu chạm trở ao
 Hoa sen bốn màu cùng khoe sắc
 Nước tám công đức sóng lặn tăn
 Hết khát lại hết đói

*Trên bờ ao lâu điện cao chất ngất
Rào khắc bích ngọc trám mã nã
Cột cao vàng rồng điểm pha-lê
Chỗ nào cũng sáng rực.*

*4. Tây phương vui, đàn chim hót tiếng hay
Dưới hoa cùng hót bài lục độ
Trong sáng hòa nhã khen tam thừa
Người nghe ngộ vô sinh
Ba đường ác còn chẳng có tên
Đều là Phật Từ bi hóa hiện
Muốn nói lời pháp nhắc mê tình
Tâm địa mau sáng tỏ.*

*5. Tây phương vui, buổi sáng cúng rất tốt
Xa tí mây tiên theo gậy báu
Nhẹ nhàng vạc áo đầy hoa trời
Mười muôn đi chẳng xa
Các cõi Phật tùy niệm biến hà sa
Tay sen vỗ đầu thân thọ ký
Tiếng sóng trong veo vang tần-già
Đến giờ liền trở về.*

*6. Tây phương vui, Phật ta đại Từ bi
Chỉ đủ ba tâm tròn mười niệm
Liền lên chín phẩm vượt ba kỳ
Thần lực chẳng nghĩ bàn
Khi chết tiếp dẫn quyết không nghi
Nguyện khắp chúng sinh cùng giữ niệm
Đài vàng nhạc trời sẽ đón rước
Phút chốc đến ao sen.*

BÀI TỰA SAU

Người tu Tịnh độ, phần nhiều được môn ấy mà đi đường tắt thì không có mấy người. Còn luận về Tịnh độ nhiều người được pháp yếu mà chỉ thẳng thì rất ít. Không hề nghe ai đem cái ngăn, cái che của mình mà nói ra. Vì cái tự ngăn không gì bằng ái, cái tự che không gì bằng nghi. Chỉ cần dứt hẳn hai thứ ái và nghi, không còn chướng ngại thì pháp môn Tịnh độ không hề gián cách.

Di-đà nguyện lớn thường tự nhiếp giữ đó là lý tất nhiên như thế. Xưa, Vô Vi tử soạn lời tựa cho Luận Thập Nghi của ngài Thiên Thai có nói: Ái không nặng thì không sinh Ta-bà, niệm bất nhất thì không sinh Cực lạc. Lời nói này có thể gọi là biết từ gốc rễ vậy. Xin thử lấy một việc mà đính ước. Như Pháp sư Tuệ Viễn đời Tấn vang tiếng Tây phương, có kết Liên xã ở Lô sơn mời Uyên Minh xem là quý vì các vị đã dứt bỏ được ái, còn Tạ Linh Vận thì ngăn không cho vào xã vì ông còn tạp tâm mà niệm không chuyên. Há chẳng phải đây là bờ bến Tịnh độ. Tôi do đó được thuyết Tịnh độ, khác với xưa như thế mà thôi. Bởi có nói người mền mộ tu tịnh nghiệp như Đào Uyên Minh thì được, tuy mời nhưng không đến. Nếu nguyện thì sẽ đạt. Cần yếu là ở trong ngực rất không có một vật. Cầu niệm còn chẳng được, làm sao đoạn được ái. Cho nên không cầu thì thôi, cầu thì lấy chướng ngại nào để đè nén. Tôi có nghĩ khen ngợi Tịnh độ rằng: Chỉ trừ mình tự chướng ngại, nếu cầu sinh thì liền sinh. Lại nói nếu không kéo dây neo chỉ uống sức đẩy thuyền. Bởi cũng có lời khích rằng: Tông ta, giảng sư Tông Hiểu đã lấy Tịnh nghiệp làm sức mình lại suy ra các vật khác, biên tập văn Lạc bang từ kinh luận trở đi mà cùng với xưa nay nổi tiếng, còn văn của Phật ta hễ những gì có quan hệ đến Tịnh độ thì đều phát huy mà ghi chép vào làm sách, để khuyên rộng người tin rất rõ ràng. Còn việc chỉ rõ tu trì thì không phải một mối mà rất được dụng tâm. Có thể nói là vừa siêng lại đẹp. Tuy nhiên ta sợ nhiều cách quá sẽ làm mê hoặc ý chí mà không nhất niệm, không dứt ái, để tự ngăn che mình rồi than thở đau buồn. Cho nên đặc biệt nêu ra thuyết ấy để được thông suốt. Nguyện các bạn đồng tu một là chuyên niệm mà dứt ái là gốc, hai là thêm nguyện lành thì pháp môn Tịnh độ đoán chắc sẽ đến. Văn này há luống uổng ư?

Ngày lành tháng tốt năm Canh Thân, niên hiệu Khánh Nguyên Bách Đình ở Nam Hồ, Thiện Nguyệt kính ghi lời tựa.